

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC**

LÊ TIẾN THUYẾT

**BIỆN PHÁP SỬA LỖI PHÁT ÂM TRONG
DẠY HỌC HỌC VẦN CHO HỌC SINH DÂN TỘC THÁI
Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC MƯỜNG CHÙM A HUYỆN
MƯỜNG LA – TỈNH SƠN LA**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

SƠN LA, NĂM 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC**

LÊ TIẾN THUYẾT

**BIỆN PHÁP SỬA LỖI PHÁT ÂM TRONG
DẠY HỌC HỌC VĂN CHO HỌC SINH DÂN TỘC THÁI
Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC MUỜNG CHÙM A HUYỆN
MUỜNG LA – TỈNH SƠN LA**

Chuyên ngành: Lí luận và phương pháp dạy học tiểu học

Mã số: 60140111

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Người hướng dẫn khoa học: TS TRẦN THỊ THANH HỒNG

SƠN LA, NĂM 2016

Lời cam đoan

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi và được sự hướng dẫn khoa học của TS Trần Thị Thanh Hồng. Các nội dung nghiên cứu, kết quả trong luận văn này là trung thực và chưa công bố dưới bất kỳ hình thức nào trước đây. Những số liệu trong các bảng biểu phục vụ cho việc phân tích, nhận xét, đánh giá được chính tác giả thu thập từ các nguồn khác nhau có ghi rõ trong phần tài liệu tham khảo. Ngoài ra, trong luận văn còn sử dụng một số nhận xét, đánh giá cũng như số liệu của các tác giả khác, cơ quan tổ chức khác đều có trích dẫn và chú thích nguồn gốc. Nếu phát hiện có bất kỳ sự gian lận nào tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung luận văn của mình.

Sơn La, ngày 20 tháng 11 năm 2016

Lê Tiến Thuyết

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU

	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề	2
3. Mục đích nghiên cứu và nhiệm vụ nghiên cứu	4
4. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu	4
5. Phương pháp nghiên cứu	5
6. Giả thuyết khoa học	5
7. Đóng góp của luận văn	6
8. Cấu trúc của luận văn	6
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN	7
1.1. Cơ sở lý luận	7
1.1.1. Một số khái niệm liên quan tới đề tài luận văn	7
1.1.2. Cơ sở tâm sinh lí của học sinh lớp 1	9
1.1.2.1. Về mặt sinh lí	9
1.1.2.2. Về mặt tâm lí	9
1.1.3. Cơ sở ngôn ngữ của việc sửa lỗi phát âm	12
1.1.3.1. Tiếng Việt là ngôn ngữ đơn lập	12
1.1.3.2. Chữ viết tiếng Việt là chữ viết ghi âm	14
1.1.4. Cơ sở giáo dục và phát triển của môn học	14
1.1.5. Một số quan điểm đổi mới về phương pháp dạy học ở tiểu học hiện nay	17
1.2. Cơ sở thực tiễn	18
1.2.1. Khảo sát thực trạng sửa lỗi phát âm cho học sinh lớp 1 Trường Tiểu học Mừng Chung A huyện Mừng La - Sơn La	18
1.2.1.1. Một số vấn đề chung về địa bàn khảo sát	19
1.2.1.2. Khảo sát thực trạng sửa lỗi phát âm cho học sinh	20

1.2.2. Kết quả khảo sát	21
1.2.2.1. Chương trình môn Tiếng Việt lớp 1 hiện hành	22
1.2.2.2. Thực trạng mắc lỗi phát âm của học sinh dân tộc Thái	27
1.2.2.3. Thực trạng sửa lỗi phát âm tiếng Việt cho học sinh lớp 1 dân tộc Thái	34
Chương 2: BIỆN PHÁP SỬ LỖI PHÁT ÂM	39
2.1. Biện pháp sửa lỗi phát âm cho học sinh dân tộc Thái trong phân môn Học vần	39
2.1.1. Biện pháp luyện phát âm theo mẫu	39
2.1.2. Biện pháp phân tích cách phát âm	42
2.1.3. Biện pháp luyện tập phát âm tổng tập	43
2.1.4. Biện pháp tổ chức trò chơi học tập để sửa lỗi phát âm cho HS	45
2.1.4.1. Khái niệm trò chơi học tập	45
2.1.4.2. Sự cần thiết của tổ chức trò chơi học tập	46
2.1.4.3. Một số trò chơi cụ thể	47
2.1.5. Biện pháp thường xuyên luyện đọc các từ khó trong giờ Học vần	52
2.1.6. Biện pháp sử dụng các thiết bị dạy học để khắc phục lỗi phát âm trong dạy học giờ Học vần	52
2.2. Quy trình sửa lỗi phát âm	56
2.2.1. Sửa lỗi phát âm phụ âm đầu	56
2.2.2. Sửa lỗi phát âm phần vần	60
2.2.3. Sửa lỗi phát âm thanh điệu.	62
Chương 3. THIẾT KẾ VÀ THỂ NGHIỆM SỬ PHẠM	64
3.1. Những vấn đề chung	64

3.1.1. Mục đích thể nghiệm	64
3.1.2. Đối tượng, thời gian và địa bàn thể nghiệm	64
3.1.3. Điều kiện thể nghiệm	64
3.1.4. Nội dung và tiêu chí thể nghiệm	65
3.1.4.1. Nội dung thể nghiệm	65
3.1.4.2. Tiêu chí thể nghiệm.....	65
3.1.4.2. Phương pháp thể nghiệm	66
3.2. Thể nghiệm và đánh giá kết quả thể nghiệm	67
3.2.1. Mô tả thiết kế thể nghiệm	68
3.2.2. Kết quả thể nghiệm	70
3.2.2.1. Kết quả thể nghiệm phát âm trực tiếp của học sinh	71
3.2.2.2. Kết quả thể nghiệm qua phiếu học tập	72
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	75
1. KẾT LUẬN	75
2. KHUYẾN NGHỊ	76
TÀI LIỆU THAM KHẢO	77
PHỤ LỤC	80

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

GV: Giáo viên

HS: Học sinh

HSDT: Học sinh dân tộc

HSDTTS: Học sinh dân tộc thiểu số

PHDH: Phương pháp dạy học

SGK: Sách giáo khoa

TMD: Tiếng mẹ đẻ

TV: Tiếng Việt

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1: Tổng hợp kết quả khảo sát hứng thú của HSĐT Thái đối với việc luyện phát âm tiếng Việt	27
Bảng 1.2: Tổng hợp kết quả khảo sát những lỗi phát âm các em mắc phải khi đọc	28
Bảng 1.3: Tổng hợp kết quả khảo sát mức độ thường xuyên luyện phát âm của HS	28
Bảng 1.4: Tổng hợp kết quả bài tập điền vần	29
Bảng 1.5: Tổng hợp kết quả bài tập điền phụ âm đầu	29
Bảng 1.6: Tổng hợp kết quả bài tập điền dấu thanh	29
Bảng 1.7: Bảng tổng hợp về vai trò của phân môn Học vần trong việc dạy học tiếng Việt cho HS lớp 1 dân tộc Thái	34
Bảng 1.8: Bảng tổng hợp những phương pháp sửa lỗi phát âm cho HS dân tộc Thái	35
Bảng 1.9: Tổng hợp kết quả mức độ thường xuyên rèn phát âm cho học sinh	35
Bảng 1.10: Tổng hợp kết quả việc rèn phát âm cho HS ngoài tiết học vần	36
Bảng 1.11: Bảng tổng hợp những khó khăn HS gặp phải trong học vần	36

Bảng 1.12: Bảng tổng hợp ý kiến của giáo viên về các lỗi phát âm mà các em mắc phải khi đọc	37
Bảng 3.1: Kết quả thể nghiệm qua bài: Bài 88: ip – up	70
Bảng 3.2: Kết quả thể nghiệm qua bài: Bài 92: oai – oay	71
Bảng 3.3: Tổng hợp kết quả khảo sát hai lớp thực nghiệm và lớp đối chứng về khả năng phân biệt của học sinh qua phiếu học tập	72

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Tiểu học là bậc học nền tảng trong hệ thống giáo dục quốc dân. Nền tảng có vững chắc thì toàn hệ thống mới tạo nên cấu trúc bền vững và phát triển hài hòa, mục tiêu của giáo dục tiểu học nhằm hình thành cho học sinh cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn và lâu dài về trí tuệ, thể chất, tình cảm và các kỹ năng cơ bản. Giáo dục tiểu học tạo tiền đề cơ bản để nâng cao dân trí, là cơ sở ban đầu hết sức quan trọng để đào tạo thế hệ trẻ trở thành người có ích trong giai đoạn mới, vì thế trường tiểu học có vị trí, nhiệm vụ đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp giáo dục. Là nơi tổ chức các hoạt động giáo dục tạo tính tự giác trong quá trình phát triển của trẻ.

Vai trò quan trọng của môn Tiếng Việt (TV) ở trường tiểu học là hình thành năng lực hoạt động ngôn ngữ tương ứng với các kỹ năng sử dụng tiếng Việt: nghe, nói, đọc, viết. Nhiệm vụ quan trọng trong nhà trường là nhằm hình thành cho học sinh những kỹ năng kỹ xảo về ngôn ngữ và những thao tác tư duy. Đây là những kỹ năng cơ bản cần thiết phải hình thành cho học sinh (HS) tiểu học nhằm trang bị cho các em một phương tiện, một công cụ để có thể học tập các môn khác trong nhà trường. Vì vậy nội dung dạy học TV ở tiểu học coi trọng việc dạy tri thức TV gắn với việc rèn luyện kỹ năng sử dụng TV. Các kỹ năng TV sẽ giúp HS nhận thức đầy đủ, hoàn thiện các tri thức TV. Môn TV ở trường tiểu học cần đảm bảo giáo dục cho HS cần đảm bảo giáo dục cho HS văn hóa giao tiếp, dạy cho các em biết truyền đạt tư tưởng, tình cảm, hiểu biết của mình một cách chính xác và biểu cảm muốn vậy phải trang bị cho các em nắm bắt được kiến thức và kỹ năng chính âm, chính tả, ngữ pháp ...

Xuất phát từ mục tiêu của môn học TV, các kỹ năng sử dụng TV trở thành trọng tâm học và rèn luyện suốt bậc tiểu học. Kỹ năng sử dụng TV là một hệ thống kỹ năng đặc biệt, vừa liên quan đến hoạt động bộ não của tư duy

vừa liên quan đến hoạt động của các giác quan khác tai (nghe), tay (viết), ... Nó gắn liền với văn hóa ứng xử, gắn với vốn hiểu biết của cá nhân, gắn liền với các dạng hoạt động lời nói và các tình huống giao tiếp.

Phân môn Học vẫn có vị trí đặc biệt quan trọng ở trường tiểu học là phân môn mở đầu của lớp đầu tiên ở bậc tiểu học, mục tiêu dạy Học vẫn là dạy TV văn hóa cho HS tiểu học với yêu cầu dạy chữ (đọc viết) trên cơ sở hoàn thiện và phát triển các kỹ năng khác (nghe, nói). Từ việc nắm được mặt chữ, biết viết chữ, biết đọc trơn tiếng, từ, câu, toàn bài ... Từ đó giúp các em có phương tiện để học tốt môn TV và các môn học khác. Nhiệm vụ của dạy Học vẫn là giúp các em nắm được chữ cái TV: con chữ đơn, kép thể hiện nguyên âm, phụ âm, nắm được các dạng chữ ghi âm, các dấu thanh, bảng chữ cái TV; Giúp HS tổng hợp âm thành vần, và đơn vị lớn hơn là tiếng, từ, câu, rồi đoạn ứng dụng; Giúp HS biết đọc đúng chính âm, viết đúng chính tả, rèn 4 kỹ năng: kỹ năng đọc - viết, kỹ năng nghe - nói.

Thực tiễn dạy học TV nói chung và dạy phân môn Học vẫn nói riêng ở các trường ở các trường miền núi Sơn La còn gặp nhiều khó khăn nhất là dạy học phát âm cho HS dân tộc Thái, do điều kiện vùng miền khác nhau, phong tục tập quán khác nhau, lời nói giao tiếp khác nhau đã ảnh hưởng không nhỏ tới phát âm chuẩn của giáo viên (GV) và HS. Thực trạng phát âm TV của HS lớp 1 dân tộc Thái ở trường tiểu học Mường Chùm A huyện Mường La tỉnh Sơn La lệch chuẩn còn phổ biến. Nhận thấy tầm quan trọng của việc sửa lỗi phát âm cho HS nên chúng tôi lựa chọn đề tài *“Biện pháp sửa lỗi phát âm trong dạy học Học vần cho học sinh dân tộc Thái ở Trường Tiểu học Mường Chùm A huyện Mường La – tỉnh Sơn La”*.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Phát âm chuẩn chính âm sẽ giúp người nghe cảm nhận được đầy đủ và chính xác giá trị nội dung của văn bản. Vì vậy, việc vận dụng các phương

pháp, biện pháp để sửa lỗi và rèn luyện kỹ năng phát âm cho học sinh tiểu học được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm, tìm hiểu. Thực hiện đề tài luận văn này, chúng tôi đặc biệt quan tâm tới các công trình nghiên cứu sau:

Cuốn “*Tiếng Việt đại cương – ngữ âm*” của Bùi Minh Toán - Đặng Thị Lanh (NXB ĐHSP, 2006) đã giới thiệu một cái nhìn tổng thể về tiếng Việt và đi sâu vào hai đơn vị cơ bản của ngữ âm tiếng Việt là âm tiết và âm vị. Cuốn sách là căn cứ quan trọng giúp chúng ta xác định và tìm ra được các lỗi phát âm mà học sinh thường mắc phải. Tuy nhiên, các tác giả mới chỉ dừng ở việc nghiên cứu lý thuyết chung của ngữ âm mà chưa đi sâu vào việc xác định các lỗi phát âm sai của học sinh nên chưa đưa ra được biện pháp khắc phục cụ thể.

Giáo trình “*Phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học II*” của tác giả Lê Phương Nga (NXB ĐHSP, 2011) đề cập đến chính âm và vấn đề luyện chính âm ở tiểu học. Tác giả đã chỉ ra chính âm là các chuẩn mực phát âm của ngôn ngữ, chính âm sẽ quy định nội dung luyện phát âm ở Tiểu học và để luyện phát âm đúng cho học sinh, trước hết và thực chất giải quyết vấn đề phương ngữ.

Tác giả Cù Đình Tú, Hoàng Văn Thung, Nguyễn Công Trứ với công trình nghiên cứu “*Ngữ âm học tiếng Việt hiện đại*” (NXBGD -1978) đã nhấn mạnh một số vấn đề liên quan đến ngữ âm học trong nhà trường. Tuy có nêu lên một số biện pháp cụ thể có liên quan đến việc rèn kỹ năng phát âm nhưng chưa rõ ràng với từng đối tượng cụ thể.

Tài liệu “*Phương pháp dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc cấp Tiểu học*” (Tài liệu bồi dưỡng giáo viên) của Dự án phát triển giáo dục (NXBGD-2006) đã đề cập đến một số phương pháp dạy học sinh dân tộc. Phát âm đúng tiếng Việt và dạy các em sửa lỗi tiếng Việt thông qua đó dạy phát triển lời nói cho các em trong những bài học âm vần. Ngoài ra, các tác giả cũng đưa ra

nhiều phương pháp dạy học giúp giáo viên nâng cao hiệu quả dạy nghe – nói và dạy đọc đúng cho đối tượng là học sinh tiểu học dân tộc miền núi.

Các công trình khoa học trên với các hướng nghiên cứu khác nhau song đều đưa ra được những lí luận có tính thuyết phục để vận dụng vào sửa lỗi phát âm cho học sinh. Đây là cơ sở quan trọng để chúng tôi đi sâu tìm hiểu và nghiên cứu đưa biện pháp sửa lỗi phát âm cho học sinh dân tộc thiểu số nói chung và học sinh dân tộc Thái ở Trường Tiểu học Mường Chùm A của huyện Mường La – Sơn La nói riêng.

3. Mục đích nghiên cứu và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Từ việc nghiên cứu lí luận và tìm hiểu thực trạng về dạy học sửa lỗi phát âm của học sinh dân tộc thiểu số (HSDTTS), luận văn nhằm mục đích đề xuất một số biện pháp sửa lỗi phát âm và rèn kỹ năng phát âm chuẩn TV cho HS tiểu học nói chung và HS dân tộc Thái Trường Tiểu học Mường Chùm A huyện Mường La – Sơn La.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Dựa trên cơ sở các tìm hiểu các tài liệu và lĩnh vực nghiên cứu của luận văn, chúng tôi xác định những nhiệm vụ nghiên cứu sau:

- Nghiên cứu cơ sở lý luận của dạy học phát âm
- Điều tra khảo sát thực trạng học phát âm
- Đề xuất một số biện pháp sửa lỗi phát âm tiếng Việt cho HS lớp 1 dân tộc Thái Trường Tiểu học Mường Chùm A
- Tiến hành thực nghiệm để khẳng định tính khả thi của vấn đề nghiên cứu.

4. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu các biện pháp sửa lỗi phát âm cho học sinh dân tộc Thái ở Trường Tiểu học Mường Chùm A huyện Mường La – Sơn La.

Ngoài ra một số vấn đề liên quan khác cũng là đối tượng nghiên cứu của luận văn: lỗi phát âm và nguyên nhân mắc lỗi, đặc điểm HSDTTS trong học tập ngôn ngữ TV, quá trình dạy sửa lỗi phát âm cho HS, tầm quan trọng của việc dạy HSĐT phát âm đúng TV, yếu tố ảnh hưởng đến việc phát âm, ...

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Do điều kiện thời gian nghiên cứu có hạn nên chúng tôi chỉ tập trung nghiên cứu một số tiền đề lý luận có liên quan tới luận văn (như đã nói ở phần cơ sở lý luận) và nghiên cứu quá trình sửa lỗi phát âm cho học sinh dân tộc Thái ở trường Tiểu học Mường Chùm A huyện Mường La – Sơn La.

Chúng tôi nghiên cứu trên đối tượng là 12 GV và hai lớp 1A₁, 1A₂ mỗi lớp 25 HS của trường Tiểu học Mường Chùm A.

5. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện được mục đích luận văn đề ra, chúng tôi sử dụng hai nhóm phương pháp sau:

5.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lí luận

Phương pháp chủ yếu: phương pháp đọc tài liệu, phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp hóa và khái quát hóa.

5.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

- Phương pháp quan sát
- Phương pháp điều tra
- Phương pháp so sánh, đối chiếu, phân tích, tổng hợp
- Phương pháp thực nghiệm.

6. Giả thuyết khoa học

Chúng tôi giả định hiện nay việc sửa lỗi phát âm cho học sinh dân tộc Thái ở trường tiểu học Mường Chùm A còn gặp nhiều khó khăn, cần tìm biện

pháp để khắc phục. Nếu các giải pháp đề xuất trong luận văn thực hiện thành công sẽ góp phần giải quyết những khó khăn đó. Đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả sửa lỗi phát âm và rèn kỹ năng phát âm tiếng Việt cho học sinh dân tộc Thái nói riêng và góp phần thực hiện mục tiêu dạy học môn Tiếng Việt nói chung ở trường tiểu học nói chung.

7. Đóng góp của luận văn

Thực hiện luận văn này, chúng tôi xây dựng được một số biện pháp sửa lỗi phát âm cho học sinh dân tộc Thái có hiệu quả, giúp HS khắc phục những khó khăn trong việc rèn kỹ năng phát âm đúng tiếng Việt.

8. Cấu trúc luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo, luận văn có 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lí luận và thực tiễn

Chương 2 : Biện pháp sửa lỗi phát âm

Chương 3: Thiết kế giáo án và thể nghiệm sư phạm

Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

1.1. Cơ sở lý luận

1.1.1. Một số khái niệm liên quan tới đề tài luận văn

Đọc là một dạng hoạt động ngôn ngữ, là quá trình chuyển dạng thức chữ viết sang lời nói có âm thanh và thông hiểu nó (ứng với hình thức đọc thành tiếng), là quá trình chuyển trực tiếp từ hình thức chữ viết thành các đơn vị nghĩa không có âm thanh (ứng với đọc thầm) (M.R. Lovôp – *Cẩm nang dạy học tiếng Nga* (tiếng Nga)) dẫn theo [22, tr.7].

Đọc đúng là sự tái hiện mặt âm thanh của bài học một cách chính xác không có lỗi. Đọc đúng là không đọc thừa, không sót âm, vần, tiếng. Đọc đúng phải thể hiện hệ thống ngữ âm chuẩn, tức là đọc đúng chính âm [22, tr.34].

Theo cuốn “*Từ điển tiếng Việt*” của Hoàng Phê (chủ biên): “**Phát âm** là phát ra âm thanh của ngôn ngữ bằng các động tác, lưỡi” [26, tr.39]. Phát âm trong giờ Học vần của học sinh lớp 1 cấp tiểu học được thể hiện thông qua việc đọc đúng, ghép đúng tiếng, từ phát âm đúng chuẩn góp phần quan trọng vào việc giúp học sinh đọc đúng và nói đúng trong giao tiếp. Muốn phát âm chuẩn cho học sinh thì giáo viên cần nắm vững những đơn vị ngữ âm của một đơn vị ngôn ngữ được sử dụng trong hoạt động phát âm như: âm vị và âm tiết. Âm vị là đơn vị ngữ âm nhỏ nhất của một ngôn ngữ có chức năng phân biệt nghĩa và nhận diện từ. Âm tiết tiếng Việt là đơn vị phát âm nhỏ nhất, đơn giản nhất về mặt tổ chức, có giá trị về mặt ngữ pháp. Âm tiết tiếng Việt là đơn vị ngữ âm mang tính ổn định về mặt hình thức cho nên ổn định và bất biến. Phát âm đúng, chuẩn chỉ có thể có được trên cơ sở hiểu rõ các yếu tố âm vị, âm tiết vì đó là những cơ sở quan trọng để sửa lỗi phát âm cho HS đặc biệt là học sinh lớp 1. Từ đó, ta đưa ra biện pháp sửa lỗi phát âm cho học sinh.

Lỗi phát âm là những sai lệch trong cách phát âm so với cách phát âm

chuẩn, làm cho người nghe khó hiểu thậm chí hiểu sai thành một nghĩa khác. Lỗi phát âm khác với tiếng địa phương.

Phương ngữ địa lí: (hay phương ngôn) là hệ thống ngôn ngữ được dùng cho tập hợp người nhất định trong xã hội, thường là phân chia theo lãnh thổ. Để luyện phát âm đúng cho HS, trước hết phải giải quyết vấn đề phương ngữ. Mục tiêu của chúng ta đặt ra là luyện cho HS vươn đến một tiếng nói dân tộc Việt thống nhất, đẹp đẽ về mặt âm thanh. Muốn như vậy, chúng ta phải luyện cho HS đọc đúng, hay trong phạm vi giao tiếp rộng hơn phương ngữ hẹp của mình. Việc dạy phát âm cho học sinh có thể được chấp nhận theo ba vùng phương ngữ sau:

Phương ngữ Bắc Bộ: gồm một vùng rộng lớn các tỉnh phía Bắc và đồng bằng sông Hồng. Phương ngữ này hướng đến cách phát âm theo tiếng Hà Nội.

Phương ngữ Trung Bộ: gồm các tỉnh Bắc Trung Bộ từ Thanh Hóa đến đèo Thừa Thiên Huế. Vùng phương ngữ này hướng đến việc phát âm chuẩn chữ viết.

Phương ngữ Nam Bộ: từ đèo Đà Nẵng đến cực Nam Trung Bộ. Vùng phương ngữ này hướng đến cách phát âm tiếng Thành Phố Hồ Chí Minh.

Với học sinh các dân tộc tỉnh Sơn La cách phát âm theo chuẩn phương ngữ Bắc Bộ hướng đến cách phát âm theo tiếng Hà Nội.

Chính âm là chuẩn mực của phát âm của ngôn ngữ có giá trị và hiệu lực về mặt xã hội. Chính âm sẽ quy định nội dung luyện phát âm ở tiểu học. [13,tr.12]. Chính âm liên quan đến vấn đề chuẩn hóa ngôn ngữ, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Việc hiểu biết về chính âm giúp chúng ta xác định nội dung sửa lỗi phát âm cho HS.

Để luyện phát âm đúng cho HS, cần giải quyết về vấn đề phương ngữ. Mục tiêu đặt ra là luyện cho HS vươn tới một tiếng nói dân tộc Việt thống nhất. Muốn vậy, chúng ta phải luyện cho HS đọc đúng, đối với lớp 1 thông qua phân môn Học vần.

1.1.2. Cơ sở tâm sinh lí của học sinh lớp 1

1.1.2.1. Về mặt sinh lí

Việc phát âm của mỗi người đều chịu sự tham gia của các cơ quan phát âm như: cơ quan hô hấp (gồm hai lá phổi nằm trong lồng ngực cung cấp lượng không khí cần thiết cho phát âm); thanh hầu (gồm hai tổ chức cơ nằm song song nhau trong thanh hầu); răng lợi, lưỡi, môi, khoang miệng và khoang mũi.

Việc tìm hiểu cấu tạo của bộ máy phát âm giúp ta hiểu được vai trò của từng bộ phận khi tham gia vào việc phát âm. Đối với HS lớp 1, các em đã cấu tạo đầy đủ các bộ phận của một cơ thể đang phát triển trong đó cơ quan phát âm phát triển mạnh phù hợp với tiếp nhận và thực hiện dễ dàng các hoạt động mới. Nếu bộ phận nào đó có khiếm khuyết ví dụ như lưỡi ngắn, lưỡi dài, răng thưa, môi héch ... sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc phát âm đúng của HS. Nếu HS mắc những khiếm khuyết như vậy GV cần có những biện pháp luyện tập phù hợp. Những đặc điểm đó làm cho thiếu tự tin ngại giao tiếp, việc phát âm của các em sẽ bị lệch chuẩn.

1.1.2.2. Về mặt tâm lí

a) Sự hình thành hoạt động học tập ở trẻ lớp 1

Bước ngoặt quan trọng của HS: từ giai đoạn lấy hoạt động chơi là chủ đạo, bước vào lớp 1 học sinh phải làm quen với hoạt động học tập, một hoạt động có ý thức, đòi hỏi HS phải làm việc có tổ chức, có mục đích ... Các nhà tâm lý học cho rằng việc chuẩn bị tâm lý sẵn sàng đi học đã có ở trẻ mẫu giáo. Song dù chuẩn bị thế nào, khi thực sự bước vào lớp 1 trẻ phải thực hiện một hoạt động có ý thức.

Đây là giai đoạn cực kì khó khăn, trẻ phải tập trung trong một thời gian của một tiết học là 35 – 40 phút, phải tuân thủ nội quy nề nếp trường học – lớp học, đây là việc khó khăn với trẻ: các em phải ngồi nghe bài, phải học bài, phải làm theo yêu cầu của giáo viên ... Đặc biệt là vào lớp một, các em bắt

đầu tiếp xúc với một dạng hoạt động ngôn ngữ mới, hoàn toàn khó đối với chúng, vì lần đầu tiên học sinh biết đến “chuẩn ngôn ngữ”, lần đầu tiên ngôn ngữ trở thành đối tượng khám phá, chiếm lĩnh của các em: đọc và viết.

Những thay đổi này làm cho một số em trong giờ học thường rụt rè, bỡ ngỡ, chưa thích nghi được, dẫn đến không tập trung nghe giáo viên giảng bài, cong ham chơi trong giờ học ...

Những đặc điểm tâm lý trên đòi hỏi người giáo viên dạy lớp 1 (ở giai đoạn học âm vần) cần chú ý tạo động cơ học tập cho HS một cách nhẹ nhàng, giúp học sinh hứng thú với học vần. Đó là thái độ nâng đỡ, khích lệ, thông cảm, luôn nhấn mạnh vào những thành công của học sinh, phải có phương pháp thích hợp trong đó chú trọng đến phương pháp trò chơi học tập (phương pháp học mà vui, vui mà học).

Khác với học sinh dân tộc Kinh, HSĐT khi tới trường mới bắt đầu tiếp xúc, làm quen và học tập bằng ngôn ngữ hoàn toàn mới là TV. Khi tới trường, HS phải học đồng thời cả ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết TV. Các em phải làm quen với một hệ thống ngôn ngữ âm không hoàn toàn giống với tiếng mẹ đẻ. Chính đặc điểm này đòi hỏi người giáo viên tiểu học phải có cách cư xử đặc biệt đối với học sinh, phải hình dung thấy hết những khó khăn của các em khi học TV để có những biện pháp dạy học phù hợp, có thời gian thực hành luyện tập cho các em. GV cần phải dạy cho các em phát âm đúng ngay từ khi học âm vần TV đầu tiên. Bởi vì nếu các em phát âm không tốt sẽ ảnh hưởng tới chất lượng đọc, viết và ảnh hưởng tới chất lượng môn học khác, thậm chí thành thói quen khó sửa. Vì vậy GV cần quan tâm tới việc phát âm đúng với những âm, vần, tiếng, từ cụ thể trong những bài học âm, vần ... Như vậy GV là người có vai trò quan trọng trong các hoạt động tiếp nhận hệ thống âm, vần TV của học sinh.

b) Đặc điểm nhận thức của trẻ lớp 1

Tri giác của trẻ lớp 1 đã phát triển hơn so với tuổi mẫu giáo, nhưng chủ yếu vẫn mang tính chất nhận biết tổng quan. Các em chưa nhận biết chính xác các chi tiết khi tri giác các đối tượng. Tri giác trong hoạt động học tập của HS chỉ mang tính chất nhận biết và gọi tên hình dáng, màu sắc của sự vật. HS lớp 1 chưa có khả năng phân tích có hệ thống những thuộc tính và những phẩm chất của đối tượng được tri giác.

Khi học vần, hiện tượng phổ biến ở HS là đọc được cả tiếng nhưng không rõ các bộ phận của tiếng, không biết được sự khác nhau của các vần, tiếng, giữa các con chữ ghi âm, vần, tiếng. Nguyên nhân chính là do khả năng phân tích của HS còn yếu. Vì vậy, GV cần coi trọng khâu hướng dẫn phân tích vần, tiếng, từ, sau đó cho HS tổng hợp (dùng con chữ ghi âm để chép vần, tiếng, từ). Đây chính là cơ sở khoa học để giải thích phương pháp phân tích tổng hợp trong dạy học vần lớp 1. Ví dụ: Khi dạy GV phân tích tiếng *tiến* gồm có âm *t*, vần *iên*, thanh *sắc*; vần *iên* gồm âm *iê* và âm *n*. Sau đó tổng hợp ghép các yếu tố đã được phân tích trở lại dạng ban đầu: ghép vần *iê-n-iên*, ghép tiếng *tờ-iên-sắc-tiến*.

Mặt khác, sự phát triển tư duy của HS ở giai đoạn học vần gần giống nhau với hoạt động tư duy của trẻ mẫu giáo. Do vậy, hoạt động nhận thức ở lứa tuổi này diễn ra trong bình diện hành động trực quan. Trẻ sẽ dựa trên những đối tượng thực, vật thực, tranh ảnh để nhận thức, ... Đây là cơ sở để nhấn mạnh phương pháp trực quan trong dạy học vần. Bài dạy phải quán triệt tinh thần “từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng” nhằm phát huy tính tích cực của HS.

Ngoài ra, trẻ lớp 1 còn thích tìm hiểu cái mới, thích hoạt động. Khả năng chú ý lâu trong hoạt động còn yếu. Các em còn thích “*Học mà chơi, chơi mà học*”. Vì thế trong giờ học vần, GV cần thay đổi linh hoạt hình thức hoạt động trí tuệ (đọc, viết, nghe, nói, sử dụng bộ chữ thực hành, băng chữ,...)

hoặc xen kẽ giữa tiết học (hát, trò chơi học tập, ...) để đảm bảo yêu cầu “học mà chơi, chơi mà học”. Đặc điểm này giải thích lí do GV cần chú ý vận dụng phương pháp đàm thoại, phương pháp trò chơi học tập trong dạy học vẫn.

Khác với HSĐT Kinh, HSĐTTS trước khi đi học các em mới chỉ nắm bắt tiếng mẹ đẻ (TMĐ) và phát triển nhận thức bằng TMĐ chứ không phải bằng TV. Khi đến trường các em mới chỉ bắt đầu học TV và các em học TV trên cơ sở TMĐ. Do đó vốn từ TV của các em rất ít hoặc không có gì, hoặc TV chưa chuẩn xác trong cách phát âm và sử dụng nên dạy học phát âm đúng, chuẩn xác TV là rất quan trọng. GV cần “so sánh tiếng mẹ đẻ của các em với TV, tìm điểm tương đồng và khác biệt để tận dụng những ưu điểm do sự gần gũi và hạn chế những khó khăn do sự khác biệt giữa hai ngôn ngữ gây ra”. [4, tr.9].

1.1.3. Cơ sở ngôn ngữ của việc sửa lỗi phát âm

Bất kì ngôn ngữ nào cũng bao gồm hệ thống ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp. Để nắm được một ngôn ngữ nào đó, trước hết phải nắm được hệ thống ngữ âm. Người học phải phát âm được những âm đơn lẻ cũng như những đơn vị cao hơn là tiếng, từ rồi câu. Cuối cùng là cách sử dụng chúng để người khác hiểu thông qua ngôn ngữ nói [27,tr.53-54]. Những đặc điểm sau của TV có ảnh hưởng rất lớn đến việc lựa chọn nội dung và hình thức dạy học vẫn lớp 1.

1.1.3.1. Tiếng Việt là ngôn ngữ đơn lập

Về mặt phát âm, mỗi âm tiết TV gắn với một thanh điệu. Trong chuỗi lời nói, ranh giới các âm tiết được thể hiện rõ ràng. Âm tiết TV không nối dính như các ngôn ngữ khác. Ví dụ: trong tiếng Việt khi phát âm “Đây là quyển sách” các âm tiết được thể hiện rõ ràng không nối dính: Đây/là/quyển/sách/ nhưng tiếng Anh khi viết “This is a book” nhưng khi đọc có sự nối dính giữa các âm tiết.

Về mặt cấu tạo, âm tiết TV là một tổ hợp âm thanh có tổ chức chặt chẽ. Cách miêu tả phù hợp với nhận thức tự nhiên của người bản ngữ. Vì vậy, người Việt dễ nhận ra âm đầu, vần, thanh của các âm tiết TV.

Có thể mô tả cấu trúc đầy đủ như sau: hệ thống ngữ âm của âm tiết TV có 5 thành phần được sắp xếp theo sơ đồ sau:

Phụ âm đầu (1)	Thanh điệu (5)		
	Âm đệm (2)	Âm chính (3)	Âm cuối (4)

(Nguồn: Đại cương ngôn ngữ và tiếng Việt)

Thành phần ở vị trí (1) là âm đầu do các phụ âm đảm nhiệm.

Thành phần ở vị trí thứ (2) do âm đệm, đó là nguyên âm trong chữ viết, được thể hiện. Ví dụ: âm *o* trong tiếng *xoan*, âm *u* trong tiếng *luân*.

Thành phần thứ (3) là âm chính do các nguyên âm đảm nhiệm. Âm chính là hạt nhân của âm tiết.

Thành phần thứ (4) là âm cuối, do các phụ âm bán nguyên âm (*i, y, u, o*) đảm nhiệm.

Các thành phần ở vị trí 2, 3, 4 ghép lại với nhau thành một bộ phận gọi là phần vần. Tiếng bao giờ cũng phải có âm chính và thanh điệu, vị trí còn lại có thể có hoặc không.

Âm tiết có cấu trúc hai bậc:

Bậc 1: Thanh điệu Âm đầu Phần vần

Bậc 2: Âm đệm Âm chính Âm cuối.

Ví dụ: Trong tiếng *toàn* thì âm tiết TV có đầy đủ các thành phần: âm đầu *t*, âm đệm *o*, âm chính *a*, âm cuối *n* và thanh *huyền*.

Đặc điểm này của âm tiết TV ảnh hưởng đến việc lựa chọn các phương pháp thích hợp để dạy cho HS từ âm đến chữ trong vần.

1.1.3.2. Chữ viết tiếng Việt là chữ viết ghi âm

TV về cơ bản có sự tương ứng giữa âm và chữ (mỗi âm ghi một con chữ, mỗi con chữ chỉ có một cách phát âm). Do đó việc dạy chữ cho HS lớp 1 có nhiều thuận lợi. Ví dụ: tiếng *bà* khi đọc *bờ-a-bà*, khi viết tiếng *bà* gồm âm *b* vần *a* và dấu *huyền*

Tuy vậy, TV cũng có những ngoại lệ, có trường hợp một âm được ghi bằng nhiều con chữ. Ví dụ: âm /k/ được ghi bằng ba con chữ (c, k, q); Âm /z/ được ghi bằng hai con chữ (d, gi)... Do đó đây là một khó khăn cho việc dạy tập viết, dạy chính tả cho HS trong phân môn Học vần. Để khắc phục được khó khăn này chúng ta dựa vào luật chính tả: Khi đứng trước các nguyên âm hàng sau (*a, ô, u, uô, ua, a, ă, ơ, â, u, ươ, wa*) thì âm /k/ được viết bằng chữ *c*. Khi đứng trước nguyên âm hàng trước (*i, e, ê, iê, ia*) thì âm /k/ viết bằng chữ *k*. Khi đứng sau âm /k/, âm đệm luôn luôn viết bằng *u* không lệ thuộc vào âm chính đứng sau lúc đó âm /k/ viết thành *q*; Để phân biệt được d/gi dùng mẹo chính tả để phân biệt: Nếu trong một từ lấy có âm đầu viết *d* hoặc *gi* thì âm tiết thứ hai cũng viết với *d* hoặc *gi*; Nếu trong một từ lấy vần, âm tiết thứ hai viết với phụ âm đầu khác thì âm tiết đứng trước chỉ có thể viết với *d*.

1.1.4. Cơ sở giáo dục và phát triển của môn học

Học vần là phân môn khởi đầu giúp HS chiếm lĩnh chữ viết, một công cụ mới để giao tiếp và học tập – công cụ giúp HS nhận thức được một cách đầy đủ hơn thế giới xung quanh mình. Mục tiêu dạy học vần là trang bị cho HS các kỹ năng sử dụng TV. Trong đó, đọc và viết được đặc biệt ưu tiên, vì đây là một phương tiện biểu đạt lời nói đặc biệt hiệu quả mà HS lớp 1 hầu như chưa biết tới. Mặt khác, chữ viết TV là chữ ghi âm (về cơ bản viết thế nào thì đọc thế ấy) cho nên phải kết hợp cả hai mục tiêu là dạy chữ và dạy âm: dạy chữ trên cơ sở dạy âm, dạy âm để dạy chữ. Ngoài ra phân môn Học vần còn thực hiện mục tiêu giờ dạy TV là phải hướng đến giáo dục HS yêu

TV bằng cách nêu bật sức mạnh biểu đạt của TV, sự giàu đẹp của âm thanh, sự phong phú của ngữ điệu trong việc biểu đạt nội dung.

Chính vì vậy phân môn Học vẫn có vị trí đặc biệt trong chương trình dạy học ở tiểu học vì nó đảm nhiệm việc hình thành và phát triển kỹ năng đọc, một kỹ năng quan trọng hàng đầu của HS ở bậc tiểu học đầu tiên. Từ việc nắm bắt được mặt chữ, biết viết chữ, biết đọc trơn tiếng, từ, câu, toàn bài, giúp các em có phương tiện để học tốt môn TV và các môn học khác trong nhà trường. Từ đó học sinh mới hoàn thành được năng lực giao tiếp của mình.

Định hướng dạy học, mục tiêu dạy học của phân môn Học vẫn thể hiện qua sự sắp xếp các bài học theo trật tự từ dễ trước khó sau, đơn giản đến phức tạp:

Nhóm bài làm quen với chữ cái và dấu thanh, nội dung dạy học hình thành cho học sinh các thói quen và nề nếp học tập ban đầu, giúp các em làm quen với các chữ cái và dấu thanh, nắm được nguyên tắc ghép các chữ cái ghi âm để tạo thành tiếng đơn nhất, các bài học làm quen còn giúp HS hiểu mối liên hệ giữa chữ và tiếng thể hiện nó, sự khác biệt về hình dáng và tác dụng của các dấu thanh. GV có thể sửa lỗi phát âm cho HS qua: kiểm tra đọc, viết chữ ghi âm của bài kế trước; Kiểm tra: nhận biết và tìm được các tiếng có âm, thanh vừa học. Dạy chữ ghi âm hoặc dấu thanh mới (trọng âm). Luyện tập: GV cho HS luyện tập 4 kỹ năng theo nội dung bài học ở sách giáo khoa (SGK).

Nhóm bài âm - vần mới, được trình bày theo cấu trúc thống nhất trên hai trang sách. Nội dung dạy học được sắp xếp theo tiêu chí vần có cấu tạo đơn giản trước vần có cấu tạo phức tạp, vần có tần số xuất hiện cao trước vần có tần số xuất hiện thấp, vần không có âm đệm trước vần có âm đệm, các kỹ năng cần rèn luyện cho HS trong phần bài mới là đọc âm / vần mới, tiếng / từ mới, từ ngữ ứng dụng và bài đọc ứng dụng; Tập viết chữ ghi âm, vần, tiếng mới; Luyện nghe – nói theo chủ đề. GV có thể sửa lỗi phát âm cho HS qua:

HS đọc viết được ghi âm, vần của bài kế trước; Đọc tiếng, từ ghép với âm, vần đã học có trong SGK, đọc câu ứng dụng, nói qua mục luyện nói, tìm thêm một số tiếng có âm, vần mới học. Dạy chữ ghi âm vần mới: (theo nội dung trình bày ở SGK). Luyện tập: GV luyện cho HS cả 4 kỹ năng theo nội dung bài học.

Nhóm bài Ôn tập nhằm ôn lại các vần đã học thuộc cùng một kiểu vần. Nhóm bài này gồm 15 bài, mỗi bài được trình bày trên hai trang sách, đều có nội dung giúp HS ôn lại một nhóm vần đã học và nội dung rèn 4 kỹ năng lời nói gắn các vần ôn tập có mục đích ôn lại các âm, vần đã học. Để đạt mục đích này, nội dung các bài ôn tập có sự khác biệt nhất định so với các bài âm, vần mới, và kéo theo đó là sự khác biệt về cách thức tổ chức bài học. GV có thể sửa lỗi phát âm cho HS qua: thực hành ghép tiếng có âm đầu ghi ở cột dọc và vần chỉ có nguyên âm đã học ở dòng ngang. GV làm mẫu trước, sau đó chỉ vào các ô yêu cầu HS đọc đúng các tiếng ghép được (trong bảng 1); thực hành ghép tiếng có nguyên âm ghi ở cột dọc và dấu thanh ghi ở dòng ngang. GV làm mẫu trước, sau đó chỉ vào các ô trống yêu cầu HS đọc đúng các tiếng ghép được (trong bảng 2); Thực hành ghép vần có âm chính ghi ở cột dọc và âm kết thúc ghi ở dòng ngang. GV hướng dẫn HS quan sát sơ đồ nhận xét cấu tạo của các vần cùng loại củng cố đánh vần đọc vần. HS đọc trơn nhanh các vần đã học theo bảng sơ đồ ôn tập; Luyện đọc, kể chuyện..

Như vậy nhiệm vụ chủ yếu của phân môn Học vần là trang bị cho HS cả 4 kỹ năng: đọc, nghe, nói, viết; phát triển vốn từ cho học sinh, tập cho các em viết đúng, đọc đúng mẫu các câu ngắn, bồi dưỡng lòng ham thích văn thơ cho các em; làm giàu vốn hiểu biết về thế giới xung quanh; giáo dục nhân cách, đạo đức, tình cảm, tâm hồn và phát triển tư duy cho các em. Với ý nghĩa đó, phân môn Học vần là môn học mang tính chất thực hành.

Rèn năng lực phát âm TV cho HS dân tộc Thái nói riêng và HS nói chung là một phần thực hành quan trọng trong giờ Học vần. Nhiệm vụ quan trọng của nó là hình thành năng lực đọc, nói cho HS. Năng lực đó thể hiện 4 mức độ đọc khác nhau đi từ thấp đến cao: đọc đúng, đọc nhanh (lưu loát, trôi chảy), đọc có ý thức (thông hiểu được nội dung những điều mình đọc hay còn gọi là đọc hiểu) và đọc diễn cảm. Việc dạy đọc cho các em thật vô cùng quan trọng bởi các em có đọc tốt ở lớp 1 thì khi đọc các lớp tiếp theo các em mới nắm bắt được những yêu cầu cao hơn của môn TV.

Như vậy, biết đọc TV đồng nghĩa với kỹ năng chiếm lĩnh được văn bản tiếng Việt ở các tầng bậc khác nhau. Đối với HSĐT, để phát âm đúng đòi hỏi các em phải nắm được hướng dẫn tỉ mỉ theo những phương pháp phù hợp, có thời gian thực hành luyện tập nhiều hơn. GV dạy cho HS luyện đọc – nói thông qua các hoạt động luyện tập phát âm bằng các hình thức đàm thoại, kể chuyện, đọc thơ... Ở đây, GV là người có vai trò quan trọng trong các hoạt động tiếp nhận hệ thống âm vần TV của các em, ngoài ra sự nỗ lực của bản thân người học cũng rất cần thiết.

1.1.5. Một số quan điểm đổi mới về phương pháp dạy học ở tiểu học hiện nay

Trong các văn kiện trình Đại hội XII, Đảng ta nhấn mạnh sự quan tâm đặc biệt và làm rõ hơn lập trường, quan điểm, tính nhất quán về sự cần thiết phải đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.

Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, đã từng được khẳng định trong các văn kiện Đảng trước đây, đặc biệt là trong Nghị quyết số 29 của Hội nghị Trung ương 8, khóa XI, khẳng định đây không chỉ là quốc sách hàng đầu, là “chìa khóa” mở ra con đường đưa đất nước tiến lên phía trước, mà còn là “mệnh lệnh” của cuộc sống.

Đổi mới giáo dục, đào tạo cần bắt đầu từ đổi mới quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đến mục tiêu, nội dung, phương pháp, cơ chế, chính sách, điều kiện

bảo đảm thực hiện; Đổi mới từ sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đến hoạt động quản trị của các cơ sở giáo dục - đào tạo và việc tham gia của gia đình, cộng đồng, xã hội và bản thân người học; Đổi mới ở tất cả các bậc học, ngành học... Điều này không phải đến Đại hội XII, Đảng ta mới xác định như vậy. Vấn đề là ở chỗ: trong những năm qua, quan điểm, tư tưởng chỉ đạo, mục tiêu giáo dục toàn diện chưa được hiểu và thực hiện đúng; nay chúng ta cần nhận thức đúng hơn và thực hiện hiệu quả hơn.

Chính vì điều đó, đổi mới phương pháp dạy học đang thực hiện bước chuyển từ chương trình giáo dục tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực của người học, nghĩa là từ chỗ quan tâm đến việc HS học được cái gì đến chỗ quan tâm HS vận dụng được cái gì qua việc học. Để đảm bảo được điều đó, phải thực hiện chuyển từ phương pháp dạy học theo lối “truyền thụ một chiều” sang dạy cách học, cách vận dụng kiến thức, rèn luyện kỹ năng, hình thành năng lực và phẩm chất. Tăng cường việc học tập trong nhóm đề cao vai trò của người học, đổi mới quan hệ GV - HS theo hướng cộng tác có ý nghĩa quan trọng nhằm phát triển năng lực xã hội. Bên cạnh việc học tập những tri thức và kỹ năng riêng lẻ của các môn học chuyên môn cần bổ sung các chủ đề học tập tích hợp liên môn nhằm phát triển năng lực giải quyết các vấn đề phức hợp.

Vì vậy bậc tiểu học là bậc học nền tảng nên sự đổi mới là rất cần thiết và quan trọng nên trong những năm gần đây bậc tiểu học đã áp dụng những mô hình dạy học mới như VNEN, Công nghệ giáo dục, Bàn tay nặn bột...

1.2. Cơ sở thực tiễn

1.2.1. Khảo sát thực trạng sửa lỗi phát âm cho học sinh lớp 1 Trường Tiểu học Mường Chung A huyện Mường La - Sơn La

1.2.1.1. Một số vấn đề chung về địa bàn khảo sát

a) Đặc điểm cơ bản của huyện Mường La – tỉnh Sơn La

Mường La là một huyện miền núi nghèo của tỉnh Sơn La, nơi đây có khí hậu khắc nghiệt, địa hình rất phức tạp núi đá cao xen lẫn đồi. Toàn huyện có 16 đơn vị hành chính, gồm: 1 thị trấn và 15 xã, 288 bản, tiểu khu; 16.449 hộ, với 82.233 nhân khẩu (2014), thuộc 6 dân tộc anh em cùng chung sống là: Thái, Mông, Kinh, Kháng, Khơ Mú, La Ha. Kinh tế của huyện có những bước phát triển mới, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt.

Cùng với công cuộc phát triển kinh tế, huyện Mường La đã và đang nỗ lực đưa nền giáo dục của huyện theo kịp với xã hội. Trong những năm qua, công tác giáo dục và đào tạo đã có những bước đổi mới, việc áp dụng mô hình dạy học mới, phương pháp dạy học tích cực vào giảng dạy đã được Phòng giáo dục và Đào tạo chỉ đạo đến các trường học trong toàn huyện. Do đó chất lượng dạy và học được nâng lên, tỉ lệ HS đỗ đạt vào các trường Đại học, Cao đẳng tăng lên, số lượng HS giỏi, HS đạt giải trong các kì thi tăng lên.

Tuy nhiên, đây là huyện có điểm xuất phát thấp, điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn, có nhiều xã thuộc vùng đặc biệt khó khăn, có nhiều thành phần dân tộc sinh sống nên nền giáo dục ở Mường La còn gặp nhiều khó khăn. Điều đó ảnh hưởng không nhỏ tới việc dạy học như: cơ sở vật chất chưa đáp ứng cho dạy học; Gia đình chưa đầu tư nhiều cho con cái được học hành; tập trung nhiều dân tộc nên là nơi giao thoa của nhiều tiếng dân tộc điều này đã gây ra những khó khăn cho dạy học TV cho HSĐT do ảnh hưởng của nhiều thứ tiếng.

b) Đặc điểm cơ bản của trường Tiểu học Mường Chùm A huyện Mường La - tỉnh Sơn La

Trường Tiểu học Mường Chùm A thuộc xã Mường Chùm, huyện Mường La, tỉnh Sơn La nằm cách trung tâm thị trấn 16km. Trong đó, khối 1 gồm 6 lớp với tổng số 169 HS, độ tuổi đến trường trung bình từ 6 tuổi. HS lớp

1 ở trường tiểu học Mường Chùm A 100% là HS dân tộc trong đó dân tộc Thái chiếm 95%, học sinh người dân tộc Hmông chỉ chiếm một số lượng 5%.

Nhà trường có 35 GV với trình độ đào tạo chủ yếu là Cao đẳng, Đại học. Trong đó có 12 GV là người dân tộc thiểu số chiếm 34,2%. Đa số GV có số năm công tác tương đối cao, có nhiều kinh nghiệm, có lòng yêu nghề, mến trẻ. Đặc biệt đội ngũ GV được phân công giảng dạy lớp 1 đều có trình độ Cao đẳng trở lên, trong đó có 4 GV trình độ Đại học, 2 GV trình độ Cao đẳng, số năm công tác từ 8 đến 15 năm. Các GV dạy lớp 1 đều là GV có kinh nghiệm công tác và nhiều năm giảng dạy lớp 1. Đây là một điều kiện hết sức thuận lợi khi dạy học vần nói chung và sửa lỗi phát âm nói riêng.

Ngoài ra, ở Trường Tiểu học Mường Chùm A các thiết bị đồ dùng dạy học được trang bị đã tương đối đầy đủ. Cơ sở vật chất của nhà trường được đảm bảo, phụ huynh HS quan tâm và tạo điều kiện cho việc học tập của con em mình nhiều hơn ... những điều kiện thuận lợi như vậy có tác động rất lớn đến quá trình dạy và học, sửa lỗi phát âm cho HS trong chương trình Học vần lớp 1.

Bên cạnh đó, Trường Tiểu học Mường Chùm A còn gặp nhiều khó khăn: cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ cho quá trình dạy học đã lạc hậu, chủ yếu GV vẫn sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống mang tính giảng giải nhiều chưa phát huy tính tích cực của HS, là những phương pháp dạy học mà HS đã quen thuộc và không tạo được hứng thú cho bài học. Một số GV là người dân tộc Thái việc phát âm của GV còn mắc lỗi. Vì vậy, việc dạy học và sửa lỗi phát âm cho HS chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

1.2.1.2. Khảo sát thực trạng sửa lỗi phát âm cho học sinh

a) Mục đích khảo sát

Chúng tôi tiến hành khảo sát giờ dạy Học vần của GV Trường Tiểu học Mường Chùm A, từ đó xác định những khó khăn chủ yếu mà GV gặp phải khi dạy Học vần cho HS và đưa ra biện pháp khắc phục. Đồng thời chúng tôi tìm

hiểu hoàn cảnh, tâm sinh lý HS lớp 1, khảo sát thực trạng phát âm trong giờ Học vần để thấy được những lỗi phát âm mà các em thường mắc phải, tiến hành phân loại lỗi để nắm được thực trạng mắc lỗi. Trên cơ sở đó đề xuất một số biện pháp khắc phục lỗi phát âm nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy học Học vần.

b) Nội dung khảo sát

- Chương trình phân môn Tiếng Việt lớp 1 hiện hành
- Thực trạng mắc lỗi phát âm của HS dân tộc Thái
- Thực trạng sửa lỗi phát âm cho HS dân tộc Thái

c) Thời gian và địa điểm khảo sát

- Thời gian khảo sát: Học kì I năm học 2015 – 2016.
- Địa điểm khảo sát: Tại Trường Tiểu học Mường Chùm A huyện Mường La tỉnh Sơn La.

d) Đối tượng khảo sát

Chương trình phân môn Tiếng Việt lớp 1 hiện hành.

Giáo viên và học sinh lớp 1A₁, 1A₂ Trường Tiểu học Mường Chùm A.

e) Cách thức khảo sát

Để đánh giá thực trạng phát âm cho các em HS lớp 1 dân tộc Thái Trường Tiểu học Mường Chùm A, chúng tôi dùng phương pháp dự giờ trực tiếp, phương pháp điều tra bằng phiếu, trao đổi với GV về chương trình Học vần lớp 1, những lỗi mà HS mắc phải và các phương pháp sửa lỗi phát âm cho HS. Bên cạnh đó, chúng tôi còn sử dụng phiếu điều tra để hỏi HS và phiếu bài tập để biết được thực trạng phát âm của HS.

1.2.2. Kết quả khảo sát

Sau một thời gian tiến hành khảo sát thực tế tại Trường Tiểu học Mường Chùm A chúng tôi thu được kết quả như sau:

1.2.2.1. Chương trình môn Tiếng Việt lớp 1 hiện hành

a) Khảo sát nội dung chương trình dạy học vẫn ở lớp 1

Những định hướng cơ bản của chương trình TV hiện hành thực hiện mục tiêu giáo dục tiểu học và các yêu cầu về đổi mới nội dung, phương pháp dạy học; Dựa trên những thành tựu hiện đại của ngôn ngữ học, tâm lí học, giáo dục học và phương pháp dạy học tiếng...; Kế thừa và kinh nghiệm giảng dạy tiếng Việt, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm dạy học tiếng của các nước trên thế giới và khu vực, chương trình TV hiện hành được định hướng cơ bản sau:

- + Dạy học tiếng Việt theo định hướng giao tiếp
- + Dạy học tiếng Việt theo định hướng tích hợp
- + Dạy học tiếng Việt theo định hướng tích cực hóa hoạt động học tập của HS.

Nội dung chương trình môn TV lớp 1 được xác định như sau:

* **Kĩ năng:** Nội dung chương trình xác định 4 kĩ năng cơ bản: nghe, nói, đọc, viết.

Kĩ năng nghe: Nghe trong hội thoại là nhận biết sự khác nhau của các âm, các thanh và kết hợp của chúng, nhận biết sự thay đổi về độ cao, ngắt, nghỉ hơi. Nghe hiểu câu kể, câu hỏi đơn giản. Nghe hướng dẫn hoặc yêu cầu; Nghe hiểu văn bản là nghe hiểu một câu chuyện nội dung thích hợp với HS lớp 1.

Kĩ năng nói: Nói trong hội thoại là nói đủ to, rõ ràng, thành câu đơn giản. Biết đặt và trả lời câu hỏi lựa chọn về đối tượng. Biết chào hỏi, chia tay trong gia đình, trường học; Nói thành bài là kể lại một câu chuyện đơn giản đã được nghe.

Kĩ năng đọc: Đọc thành tiếng là biết cầm sách đọc đúng tư thế, đọc đúng và trỏ tiếng, đọc liền từ, đọc cụm từ và câu, tập ngắt, nghỉ (hơi) đúng chỗ; Đọc hiểu là đọc hiểu nghĩa các từ thông thường, hiểu ý diễn đạt trong

câu đã đọc (độ dài câu khoảng 10 tiếng); Học thuộc lòng một số bài văn vần (thơ, ca dao, ...) trong SGK.

Kĩ năng viết: Viết chữ là tập viết đúng tư thế, hợp vệ sinh. Viết các chữ cái cỡ vừa và nhỏ, tập ghi dấu thanh đúng vị trí, làm quen với chữ hoa cỡ lớn và cỡ vừa theo mẫu chữ quy định, tập viết các số đã học; Viết chính tả với hình thức chính tả: tập chép, bước đầu tập nghe, đọc để viết chính tả, luyện viết các vần khó, các chữ mở đầu bằng: g / gh, ng / ngh, c / q / k,.. tập ghi các dấu câu (dấu chấm, dấu chấm hỏi), tập trình bày một bài chính tả ngắn.

* Kiến thức: Không có tiết học riêng, chỉ trình bày các kiến thức HS cần làm quen và nhận biết chúng thông qua các bài thực hành kĩ năng. Bao gồm ngữ âm và chữ viết: Bước đầu nhận biết sự tương ứng giữa âm và chữ cái, thanh điệu và dấu ghi thanh. Chính tả: bước đầu nhận biết một số quy tắc chính tả. Từ vựng: Học thêm 200 đến 300 từ ngữ (kể cả thành ngữ, tục ngữ). Ngữ pháp: Nhận biết cách dùng dấu chấm, dấu chấm hỏi, ghi nhớ các nghi thức lời nói. Văn: Làm quen với các bài dạng văn vần, văn xuôi.

* Ngữ liệu: Giai đoạn học chữ là những từ, ngữ, câu ngắn, đoạn ngắn, các thành ngữ, tục ngữ, ca dao, ... phù hợp với yêu cầu học chữ và rèn kĩ năng. Ngữ liệu phù hợp với lứa tuổi của HS, có tác dụng và mở rộng sự hiểu biết. Giai đoạn sau học chữ: là những câu, đoạn nói về thiên nhiên, gia đình, trường học, thiếu nhi. Ngữ liệu có cách diễn đạt trong sáng, dễ hiểu, có tác dụng giáo dục giá trị nhân văn và bước đầu cung cấp cho HS những hiểu biết về cuộc sống. Chú ý thích đáng đến các văn bản phản ánh đặc điểm về thiên nhiên, đời sống văn hóa, xã hội ... của các địa phương trên đất nước ta.

Chương trình Học vần lớp 1 dạy chữ (đọc, viết) trên cơ sở phát triển và hoàn thiện toàn diện các kĩ năng khác (nghe, nói). Ngữ liệu để học ở giai đoạn học chữ là từ ngữ, câu ngắn, đoạn ngắn, các thành ngữ, tục ngữ, ca dao ... phù hợp với yêu cầu học chữ và kĩ năng. Ngữ liệu học được chọn phù hợp với đặc

điểm lứa tuổi học sinh lớp 1, có tác dụng giáo dục và mở rộng sự hiểu biết cho HS.

Chương trình Tiếng Việt lớp 1 hiện hành chú ý dạy học sinh phương diện kĩ thuật của kĩ năng dạy đọc thành tiếng và đọc thầm, dạy chữ, dạy nói rõ ràng, to; dạy các âm, vần dễ lẫn lộn khi nghe ... Chương trình còn chú ý dạy nhiều hơn các kĩ năng gắn với thông hiểu nội dung, sự diễn đạt đúng nội dung các văn bản hoặc thông báo. Trong kĩ năng nghe có mục “nói trong hội thoại, nói thành bài”. Các mục này đề ra mức độ và yêu cầu luyện tập các kĩ năng gắn với sự thông hiểu nội dung.

b) Các bước dạy học (kiểu quy trình dạy học 3 bước):

Kiểm tra bài cũ: Mục đích của bước này là kiểm tra khả năng HS đọc được âm, vần, tiếng (từ) khóa từ ứng dụng, đoạn, bài, dấu thanh và viết được chữ ghi âm, dấu ghi thanh của bài kế trước. Giúp HS nhớ lại những kiến thức mà các em đã biết và khắc sâu hơn trong trí nhớ của HS.

Dạy bài mới: Mục đích của bước này là giúp học sinh nhận diện mặt biết được cấu tạo và đọc được âm, vần, tiếng, từ khóa, từ và câu ứng dụng trong bài học.

Củng cố, dặn dò: Mục đích của bước này là khắc sâu thêm về âm vần, tiếng, từ trong bài học, qua đó giúp các em nhớ kiến thức lâu hơn.

Quy trình dạy học như vậy HS nhớ lại được kiến thức cũ đã được học, biết được các kiến thức mới và được củng cố, khắc sâu kiến thức mới. HS nắm được xuyên suốt các bài học với nhau tạo sự vững chắc hơn.

c) Sách giáo khoa

- Cấu trúc SGK TV lớp 1 phần Học vần gồm 103 bài chia làm 3 phần: Làm quen, Chữ cái và âm, Vần thường gặp.

+ Phần thứ nhất gồm 6 bài đầu, dành cho việc làm quen với chữ cái e, b, các dấu thanh và cấu trúc tiếng dạng đơn giản nhất.

+ Phần thứ hai gồm 25 bài tiếp theo dành cho việc học chữ cái và âm, cấu trúc tiếng có vần là một nguyên âm.

+ Phần thứ ba gồm 72 bài còn lại dành cho việc học các vần thường gặp, cấu trúc tiếng có vần phức tạp dần.

Phần Học vần của sách TV lớp 1 được in ở hai tập. Tập 1 gồm 83 bài, tập hai gồm 20 bài, cụ thể như sau:

Phần	Nội dung	Số bài
Làm quen	Chữ cái e, b và các dấu thanh	6 bài
Chữ cái và âm	Các con chữ đơn, kép thể hiện phụ âm, nguyên âm	25 bài
Vần thường gặp	Các kết hợp con chữ thể hiện vần thường gặp	72 bài
Tổng		103 bài

- Cấu trúc bài học: Các bài làm quen với chữ cái được bố trí trên 2 trang sách với cấu trúc chung:

Trang 1:

+ Tranh minh họa gợi ý tiếng mang chữ ghi âm hoặc dấu thanh mới.

+ Thể hiện chữ ghi âm (theo kiểu chữ in thường) hoặc ghi dấu thanh cần làm quen.

+ Thể hiện chữ ghi âm, dấu ghi thanh hoặc chữ ghi tiếng mới làm quen.

Trang 2:

+ Tranh gợi ý chủ đề luyện nói.

- Cấu trúc bài dạy Âm- vần mới: Các bài dạy âm, chữ ghi âm và các bài dạy vần mới được xây dựng theo một cấu trúc, mỗi bài học được trình bày trên hai trang sách theo cấu trúc cơ bản sau:

Trang 1:

+ Các đơn vị chữ ghi âm/vần được dạy trong bài.

+ Tiếng chứa các đơn vị chữ được dạy trong bài (tiếng khóa).

- + Tranh minh họa cho từ chứa tiếng chứa đơn vị chữ học trong bài.
- + Từ chứa tiếng chứa đơn vị chữ học trong bài (từ khóa).
- + Từ ngữ ứng dụng chứa đơn vị chữ vừa học.
- + Thể hiện chữ viết thường của các đơn vị chữ vừa học.

Trang 2:

- + Tranh minh họa câu/đoạn chứa đơn vị chữ vừa học.
- + Câu/ đoạn chứa đơn vị chữ vừa học (câu/ đoạn ứng dụng).
- + Chủ đề luyện nói
- + Tranh minh họa chủ đề luyện nói.
- Cấu trúc bài ôn tập: Các bài ôn tập âm/vần đã học có cấu trúc như sau:

Trang 1:

- + Tiêu đề ôn tập
- + Mô hình tiếng/vần chứa đơn vị mẫu đã học
- + Tranh minh họa (hoặc gợi ý) từ chứa tiếng/vần chứa các đơn vị mẫu đã học
- + Bảng ôn tập chứa các kết hợp cùng loại
- + Từ ngữ ứng dụng chứa các kết hợp cùng loại.
- + Thể hiện chữ viết thường của các đơn vị cùng loại.

Trang 2:

- + Tranh minh họa câu/đoạn ứng dụng chứa các tiếng có âm/vần cùng loại vừa ôn.
- + Câu/đoạn ứng dụng chứa các tiếng có âm/vần cùng loại vừa ôn.
- + Nhan đề truyện kể.
- + Tranh minh họa cho truyện kể.

Nhận xét chung: SGK phù hợp với chương trình, hình thức đẹp và hấp dẫn, nội dung cung cấp những kiến thức cơ bản, có hệ thống. Kênh hình, kênh

chữ, khổ sách, màu sắc hình ảnh minh họa rõ ràng. Nó không chỉ mang ý nghĩa minh họa mà còn được coi như là nguồn cung cấp kiến thức cho HS.

1.2.2.2. Thực trạng mắc lỗi phát âm của học sinh dân tộc Thái

a) Thực trạng mắc lỗi

Để tìm hiểu thực trạng mắc lỗi phát âm của HSĐT Thái, chúng tôi khảo sát bằng phiếu hỏi, phiếu bài tập và dự giờ tiết dạy.

Khảo sát bằng phiếu hỏi: Chúng tôi đã tiến hành khảo sát bằng các câu hỏi sau:

Câu 1: *Em có thích luyện phát âm tiếng Việt không?*

Câu 2: *Khi đọc, em thường mắc lỗi phát âm nào?*

Câu 3: *Em có thường xuyên luyện phát âm không?*

Kết quả khảo sát bằng phiếu hỏi đối với HS:

Bảng 1.1: Tổng hợp kết quả khảo sát hứng thú của HSĐT Thái đối với việc luyện phát âm tiếng Việt

Mức độ	Thích (%)	Bình thường (%)	Không thích (%)
Tổng số HS			
50	39 (78%)	9 (18%)	2 (4%)

Nhìn vào *Bảng 1.1* cho thấy HSĐT Thái hứng thú đối với việc luyện phát âm tiếng Việt 78% HS thích. Đó là điều kiện để GV luyện phát âm cho HS.

Bảng 1.2: Tổng hợp kết quả khảo sát những lỗi phát âm các em mắc phải khi đọc

Các lỗi	Số lượng	Tỉ lệ
Phụ âm đầu	45	90%
Phần vần	32	64%
Thanh điệu	12	24%

Nhìn vào *Bảng 1.2* cho thấy khi đọc HSĐT Thái đều mắc lỗi về phụ âm đầu, phần vần và thanh điệu. Tuy nhiên đa số các em đều mắc lỗi phụ âm đầu nhiều nhất (90%) tiếp đó là phần vần (64%), do đó cần có biện pháp để sửa lỗi cho HS hiệu quả để tiến tới chuẩn tiếng Việt.

Bảng 1.3: Tổng hợp kết quả khảo sát mức độ thường xuyên luyện phát âm của HS

Mức độ	Số lượng	Tỉ lệ
Thường xuyên	27	54%
Thỉnh thoảng	17	34%
Không	6	12%

Nhìn vào *Bảng 1.3* cho thấy việc luyện phát âm của HSĐT Thái chưa thường xuyên mới chỉ 54% HS thường xuyên luyện phát âm, do đó người GV cần tạo cho các em sự tự giác luyện phát âm trong và ngoài giờ học vẫn.

Khảo sát bằng phiếu bài tập: Chúng tôi đã tiến hành phát phiếu bài tập để HS thực hiện các bài tập về điền vần, điền phụ âm đầu và điền dấu thanh vào chỗ trống. Qua tiến hành khảo sát bằng phiếu bài tập luận văn thu được kết quả như sau:

Bảng 1.4: Tổng hợp kết quả bài tập điền vần

Lớp	Tổng số HS	Mức độ		
		Hoàn thành tốt (%)	Hoàn thành (%)	Chưa hoàn thành (%)
1A ₁	25	5 20%	14 56%	6 24%
1A ₂	25	6 24%	14 56%	5 20%

Bảng 1.5: Tổng hợp kết quả bài tập điền phụ âm đầu

Lớp	Tổng số HS	Mức độ		
		Hoàn thành tốt (%)	Hoàn thành (%)	Chưa hoàn thành (%)
1A ₁	25	4 16%	16 64%	5 20%
1A ₂	25	4 16%	15 60%	6 24%

Bảng 1.6: Tổng hợp kết quả bài tập điền dấu thanh

Lớp	Tổng số HS	Mức độ		
		Hoàn thành tốt (%)	Hoàn thành (%)	Chưa hoàn thành (%)
1A ₁	25	15 60%	6 24%	4 16%
1A ₂	25	16 64%	5 20%	4 16%

Nhận xét: Khảo sát bằng phiếu bài tập chúng tôi nhận thấy HS cả hai lớp đều mắc lỗi cả về phần vần, phụ âm đầu và phần dấu thanh. Tuy nhiên các em mắc lỗi nhiều ở phần vần (lớp 1A₁ chiếm 24%, 1A₂ chiếm 20%) và phụ âm đầu (lớp 1A₁ chiếm 20%, 1A₂ chiếm 24%) so với phần thanh điệu. Số HS hoàn thành tốt chiếm tỉ lệ thấp đối với bài tập điền vần (lớp 1A₁

chiếm 20%, 1A₂ chiếm 24%) và bài tập điền phụ âm đầu (lớp 1A₁ chiếm 16%, 1A₂ chiếm 16%).

Ngoài việc khảo sát bằng phiếu hỏi và phiếu bài tập thì chúng tôi tiến hành dự giờ tiết Học vần, qua dự giờ chúng tôi nhận thấy: Việc học tập, giao tiếp bằng TV đối với các học sinh dân tộc Thái ở Trường Tiểu học Mường Chùm A gặp không ít khó khăn trong việc phát âm tiếng Việt và sử dụng tiếng Việt. Các em còn mắc các lỗi phát âm về phụ âm đầu, vần và dấu thanh điệu đó ảnh hưởng đến chất lượng học tập môn TV và giao tiếp của HS.

HSDT Thái mắc lỗi chủ yếu là phát âm và dùng từ. Việc nói đúng trật tự từ và cấu trúc ngữ pháp của các em tương đối tốt. Về ngữ âm, HS thường nhầm lẫn một số âm đầu: phụ âm môi “b/v”, phụ âm đầu lưỡi “l/đ” và nhầm lẫn các âm chính chủ yếu là âm ngắn - dài: oo/o, ee/e, ơ/â, i/ii, â/ư, ô/ôô. Đối với thanh điệu, HS nhầm lẫn thanh ngã (~) và sắc (/). Ngoài ra, các em còn có ảnh hưởng của văn hóa dân tộc nên sử dụng từ ngữ “lạ”. Các trở ngại này làm cho các em ít, ngại giao tiếp bằng tiếng Việt ở trường, lớp, ở nơi công cộng. Các em HS dân tộc Thái ở trường Tiểu học Mường Chùm A huyện Mường La – tỉnh Sơn La phát âm sai cả về phần vần, phụ âm đầu và dấu thanh. Ví dụ: Con vịt - con bịt; Đạo đức – lạo lúc; Long đong - loong đong; Xanh xanh – xenh xenh; Dầu mỡ - dầu mớ; Chủ nhật – chủ nhọt.

Những lỗi phát âm HS thường mắc phải:

* Sai phụ âm đầu: Ngoài những lỗi mang tính chất vùng mà HS người kinh cũng thường mắc như: s – x, d - r –gi, ch –tr, HSDT Thái còn bị lẫn khi phát âm một số âm do ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ.

Ví dụ: Không phân biệt phụ âm l /đ, b/v, th/t

Phụ âm	Từ tiếng Việt	Phát âm sai	Từ phát âm sai
--------	---------------	-------------	----------------

l / đ	đoàn kết	đ / l	loàn kết
b / v	bàn ghế	v / b	vàn ghế
th/t	thăm hỏi	t/th	tăm hỏi

* Phát âm sai phần vần:

HS thường khó phát âm các nguyên âm đôi và biến chúng thành các nguyên âm đơn.

Phần vần	Từ tiếng Việt	Phát âm sai	Từ phát âm sai
uu / iu	Quả lựu	iu / uu	Quả lịu
uou / iêu	Hươu cao cổ	iêu / uou	Hiêu cao cổ
anh / enh	Lá xanh	enh / anh	Lá xenh
uôt / uât	Dưa chuột	uât / uôt	Dưa chuật
ât/ot	Mật ong	ot / ât	Mọt ong

* Phát âm sai về thanh điệu:

TV có 6 âm thanh, mỗi thanh đều có thể tham gia vào cấu tạo từ và tạo nghĩa cho từ. Trong khi đó nhiều ngôn ngữ dân tộc không có thanh điệu, có một số ngôn ngữ có thanh điệu nhưng số lượng và tính chất các thanh không hoàn toàn tương ứng với số lượng và tính chất các thanh điệu trong tiếng Việt. Bởi vậy, hiện tượng phát âm không đúng các thanh tiếng Việt cũng khá phổ biến ở các HSDTTS. Đối với HSDT Thái khi phát âm mắc lỗi về dấu thanh sau:

Dấu thanh	Từ tiếng Việt	Phát âm sai	Từ phát âm sai
~ , /	Dầu mỡ	/ , ~	Dầu mớ

Những lỗi phát âm này do ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ nên sẽ rất khó sửa nếu không được sửa chữa từ các lớp 1 thì lên các lớp trên sẽ khó sửa. Vì vậy học TV nói chung và Học vần nói riêng là phân môn quan trọng với HS

lớp 1. Việc luyện phát âm và sửa lỗi phát âm trong chương trình Học vần lớp 1 hiện nay được nhiều GV quan tâm. Bởi có phát âm chuẩn, chính xác thì HS mới có thể viết đúng chính tả, đọc đúng văn bản và học tốt các môn học khác trong nhà trường Tiểu học. Ngoài ra, khi phát âm chuẩn ở lớp 1 thì lên các lớp 2, 3, 4, 5, ... HS sẽ đọc tốt, đọc đúng. Chương trình SGK lớp 1 hiện nay đã có nhiều thay đổi: kênh chữ giảm dần thay vào đó là việc tăng cường kênh hình để phù hợp với đặc điểm tâm lý, đặc điểm nhận thức của HS lớp 1. Dựa vào đó các thầy cô giáo giảng dạy ở trường Tiểu học cũng có những phương pháp dạy học cho phù hợp. Do đặc điểm điều kiện kinh tế, cơ sở vật chất của từng trường, từng vùng khác nhau nên việc sử dụng các phương pháp dạy học cũng khác nhau.

b) Nguyên nhân cơ bản gây ra lỗi phát âm của HSĐT Thái:

Nguyên nhân khách quan:

Một số âm vị phụ âm đầu tiếng Thái có 2 biến thể phát âm đồng vị môi, đầu lưỡi /l-đ/; /b-v/ nên việc kết hợp với âm chính hơi khác với tiếng Việt nên sẽ khó phân biệt khi phát âm sang tiếng Việt có các phụ âm đầu này. Các âm vị nguyên âm tiếng Thái ít nguyên âm ngắn trong tổ hợp hệ thống vần nên nguyên âm ngắn tiếng Việt sẽ thành âm dài khi phát âm. Tiếng Thái không có thanh điệu số 3 (ngã) nên HS cũng khó phát âm hoặc nhầm với thanh sắc. Đó là các lỗi khách quan ngôn ngữ ảnh hưởng tiếng mẹ đẻ khi nói tiếng Việt.

Nguyên nhân chủ quan: Về phía học sinh: Khác với HS dân tộc Kinh, trước khi đến trường đa số HSĐT Thái ít sử dụng tiếng Việt. Thực tế các em cũng được trải qua sự chăm sóc của lớp mầm non, nhưng vốn kiến thức về tiếng Việt như những mẫu hội thoại đơn giản mang tính bắt đầu, những kỹ năng cơ bản như nghe, nói mà trường mầm non đã trang bị cho các em vì những lý do khách quan đã không còn theo các em bước vào lớp 1. Trong sinh hoạt gia đình, cộng đồng người dân ở đây cũng như các em chỉ sử dụng tiếng

mẹ đẻ nên khi bước ra thế giới bên ngoài vào môi trường giáo dục phổ thông tiếng Việt lúc bấy giờ là ngôn ngữ thứ hai của các em. Việc giao tiếp thông thường với thầy cô giáo đã khó khăn và cũng có khi là không thể, việc nghe giảng những kiến thức về môn học khác nhau bằng tiếng Việt lại càng khó khăn hơn với các em. Đến trường đến lớp là các em bước đến một môi trường sinh hoạt hoàn toàn xa lạ, tâm lí rụt rè, e sợ luôn thường trực trong các em, làm giảm tốc độ bước chân các em đến trường; HSĐT Thái học tiếng Việt là học ngôn ngữ thứ hai trong đời sống sinh hoạt, cộng đồng, là do tâm lí sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ và thỏ âm rất tự nhiên, bản năng. Những buổi sinh hoạt cộng đồng, những lần hội họp người địa phương chỉ sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ. Họ ngại sử dụng tiếng Việt có lẽ vì vốn kiến thức về tiếng Việt ở họ còn hạn chế và thói quen sử dụng ngôn ngữ của dân tộc mình sẽ ảnh hưởng vào trong đời sống gia đình của mỗi cá nhân, học sinh vẫn sử dụng tiếng mẹ đẻ khi rời trường rời lớp. Dần dần các em không thể sử dụng tiếng Việt chính xác, quên ngay những kiến thức về tiếng Việt đã học trên lớp. Từ đó khiến các em thụ động, thiếu linh hoạt khi ở môi trường giao tiếp; Nguyên nhân sinh lí ảnh hưởng đến cách phát âm của học sinh: Bộ máy của con người tham gia vào việc phát âm với những chức năng khác nhau. Những khiếm khuyết nào đấy trong cấu tạo của bộ máy phát âm sẽ là nguyên nhân trực tiếp gây ra lỗi phát âm, ví dụ: người có lưỡi hơi ngắn sẽ khó phát âm các chữ như ch, r, ..., người có lưỡi hơi dài thường phát âm không tròn vành, rõ tiếng, người hở hàm ếch, răng thưa, lưỡi gà ngắn thường khó phát âm các âm gió, âm sát, âm họng, ... ngoài ra cấu tạo vòm họng, dây thanh ảnh hưởng rất lớn đến việc phát âm.

Nguyên nhân về phía GV: Trong quá trình dạy học GV hướng dẫn HS chưa kịp thời, chưa tỉ mỉ, chưa quan tâm đến việc học tập và sử dụng tiếng phổ thông cho các em. Một số GV chưa coi trọng việc đọc mẫu nên phát âm

chưa đúng với chuẩn, khi dạy còn lạm dụng tiếng dân tộc quá nhiều không đúng cách không đảm bảo việc dạy tiếng Việt cho HSĐT; Việc sử dụng đồ dùng, thiết bị trong quá trình dạy của thầy và trò chưa hiệu quả.

Nguyên nhân về phía gia đình: Ít quan tâm đến việc học tập và sử dụng giao tiếp bằng tiếng phổ thông cho các em ở tại gia đình và cộng đồng; Do thói quen sử dụng tiếng mẹ đẻ của người dân địa phương và chính bản thân các bậc phụ huynh cũng sai những lỗi đó đặc trưng dân tộc.

1.2.2.3. Thực trạng sửa lỗi phát âm tiếng Việt cho học sinh lớp 1 dân tộc Thái

Chúng tôi tiến hành khảo sát 12/35 GV trong trường bao gồm các GV đã và đang dạy lớp 1 bằng các câu hỏi sau:

Câu 1: Theo thầy (cô), Học Văn có vai trò như thế nào trong việc dạy học tiếng Việt cho học sinh lớp 1 dân tộc Thái?

Câu 2: Khi dạy Học văn, thầy (cô) thường sử dụng những phương pháp nào sửa lỗi phát âm cho HS?

Câu 3: Các thầy (cô) có thường xuyên rèn phát âm cho học sinh không?

Câu 4: Ngoài giờ Học văn, thầy (cô) còn rèn phát âm cho HS khi nào?

Câu 5: Theo thầy (cô) HS thường gặp khó khăn nào trong Học văn?

Câu 6: Khi dạy Học văn, học sinh thường hay mắc những lỗi nào khi đọc?

Khảo sát thực trạng sửa lỗi luận văn được kết quả như sau:

Bảng 1.7: Bảng tổng hợp về vai trò của phân môn Học văn trong việc dạy học tiếng Việt cho HS lớp 1 dân tộc Thái

Mức độ	Số lượng	Tỉ lệ
Rất quan trọng	12	100%
Bình thường	0	0%
Không quan trọng	0	0%

Qua bảng trên cho thấy tầm quan trọng của phân môn Học văn trong việc dạy tiếng Việt cho HSĐT Thái.

Bảng 1.8: Bảng tổng hợp những phương pháp sửa lỗi phát âm cho HS dân tộc Thái

Các phương pháp	Số lượng	Tỉ lệ
Phương pháp trực quan	12	100%
Phương pháp đàm thoại	4	33,3%
Phương pháp luyện tập	12	100%
Phương pháp thảo luận	1	8,3%
Phương pháp giảng giải	6	50%
Các phương pháp khác	7	58,3%

Bảng 1.8 chúng ta thấy phương pháp trực quan và phương pháp luyện tập được 100% các thầy cô lựa chọn, điều này thấy được đây là hai phương pháp được GV đề cao quá trình sửa lỗi phát âm cho HS là cơ sở để luận văn lựa chọn phương pháp sửa lỗi phát âm phù hợp cho HS.

Bảng 1.9: Tổng hợp kết quả mức thường xuyên rèn phát âm cho học sinh

Mức độ rèn phát âm	Số lượng	Tỉ lệ
Thường xuyên	4	33,3%
Thỉnh thoảng	8	66,7%
Không rèn	0	0%

Qua kết quả khảo sát mức độ thường xuyên rèn phát âm cho HS, mức độ thường xuyên rèn phát (33,3%), mức độ thỉnh thoảng (66,7%). Điều này cho thấy GV chưa thực sự chú tâm tới việc rèn phát âm tiếng Việt cho HSĐT Thái, GV mới chỉ thỉnh thoảng rèn phát âm cho HS do đó ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng phát âm của các em.

Bảng 1.10: Tổng hợp kết quả việc rèn phát âm cho HS ngoài tiết học văn

Các hoạt động	Số lượng	Tỉ lệ
---------------	----------	-------

Dạy các môn học khác	12	100%
Giờ truy bài	5	41,6%
Sinh hoạt tập thể	2	16,6%

Bảng kết quả trên cho thấy 100% giáo viên đã có rèn phát âm trong các hoạt động ngoài tiết học vẫn, tuy nhiên tỉ lệ HS mắc lỗi phát âm đang còn cao được thể hiện trong các bảng kết quả khảo sát lỗi. Do đó các biện pháp GV đưa ra chưa đạt được hiệu quả cao. Vì vậy cần có biện pháp sửa lỗi phù hợp để sửa lỗi cho HS trong quá trình giảng dạy để nâng cao hiệu quả sửa lỗi cho HS dân tộc.

Khi hỏi các thầy (cô) về những khó khăn mà HS thường mắc phải, luận văn thu được kết quả sau:

Bảng 1.11: Bảng tổng hợp những khó khăn HS gặp phải trong học vần

Khó khăn	Số lượng	Tỉ lệ
Phát âm	4	33,3%
Viết chữ	2	16,7%
Ghép vần	6	50,0%

Bảng 1.11 cho thấy khi HS học phân môn Học vần các em đều gặp phải khó khăn về ghép vần (50%), phát âm (33,3%) và viết chữ. Do đó trong quá trình giảng dạy GV cần phải phân biệt được những khó khăn của từng HS để đưa ra những bài luyện tập cho phù hợp để đạt được hiệu quả cao.

Bảng 1.12: Bảng tổng hợp ý kiến của GV về các lỗi phát âm mà các em mắc phải khi đọc

Các lỗi	Số lượng	Tỉ lệ
Phụ âm đầu	12	100%
Phân vần	5	41,6%

Thanh điệu	4	33,3%
------------	---	-------

Bảng tổng hợp trên cho thấy GV đều xác định được những lỗi phát âm mà HS mắc phải. Trong đó lỗi về phụ âm đầu được 100% GV cho là các em đều mắc phải, tiếp đó là lỗi về phần vần (41,6%) cuối cùng là lỗi phần thanh điệu (33,3%). Đây là cơ sở thực tiễn định hướng cho luận văn đưa ra được biện pháp và quy trình sửa lỗi cho từng lỗi phát âm.

Qua việc khảo sát bằng phiếu hỏi và trực tiếp dự giờ tiết dạy Học vần của giáo viên Trường Tiểu học Mường Chùm A phần lớn các GV trong nhà trường chưa có sự quan tâm tới vấn đề phát âm của các em HS, một số GV đã có những biện pháp về sửa lỗi phát âm cho HS nhằm giúp các em rèn luyện kỹ năng phát âm chuẩn. Tuy nhiên, thực trạng sửa lỗi phát âm cho HS ở trường còn tồn tại nhiều hạn chế. Cụ thể là trong các giờ học Học vần chưa được quan tâm đúng mức tới việc sửa lỗi phát âm cho HS, GV mới chỉ quan tâm nhiều đến các em có đọc được hay không, tốc độ đọc nhanh hay chậm, cũng có những GV đã chú ý đến việc phát âm cho đúng nhưng chỉ dừng lại ở việc GV đọc mẫu sau đó học sinh đọc theo, chưa có biện pháp hướng dẫn cụ thể, khoa học nên hiệu quả của việc sửa lỗi phát âm chưa cao. Bên cạnh đó trong nhà trường một số GV dạy lớp 1 là người dân tộc Thái nên trong quá trình giảng dạy GV phát âm còn mắc những lỗi mà HS đang mắc nhưng GV chưa ý thức được điều đó nên chưa phát hiện được phát âm đang lệch chuẩn để sửa cho các em. Do đó sửa lỗi phát âm đã gặp những khó khăn vì HS lớp 1 luôn nghe theo và học theo cách phát âm của GV. Điều đó ảnh hưởng đến chất lượng dạy tiếng Việt nói chung và phân môn Học vần nói riêng.

Tiểu kết chương 1

Thông qua tìm hiểu những vấn đề lí luận chung của Học vần, phát âm trong TV, tìm hiểu cơ sở khoa học của dạy học vần và dạy phát âm và tìm hiểu thực trạng phát âm, nguyên nhân phát âm sai của HS lớp 1 Trường Tiểu

học Mừng Chùm A chúng tôi thấy, việc phát âm và sửa lỗi phát âm cho HS còn nhiều bất cập. Đó là những cơ sở để chúng tôi xây dựng các biện pháp sửa lỗi phát âm cho HSĐT Thái. Vấn đề đặt ra là phải tìm những biện pháp dạy học phù hợp để sửa lỗi phát âm cho HS lớp 1 dân tộc Thái ở trường có hiệu quả và các biện pháp này phải phù hợp với đặc điểm HS, trình độ của GV và điều kiện cơ sở vật chất trang thiết bị của trường. Các biện pháp đề ra cũng phải phù hợp với thực trạng dạy và học của HS lớp 1 dân tộc Thái Trường Tiểu học Mừng Chùm A huyện Mừng La tỉnh Sơn La.

Chương 2: BIỆN PHÁP SỬA LỖI PHÁT ÂM

2.1. Biện pháp sửa lỗi phát âm cho học sinh dân tộc Thái trong phân môn Học vần

2.1.1. Biện pháp luyện phát âm theo mẫu

Biện pháp luyện tập theo mẫu còn gọi là phương pháp trực giác hay phương pháp nghe nhìn, GV cho HS tiểu học nghe giọng đọc mẫu, nhìn khẩu hình miệng (trực tiếp hoặc gián tiếp qua hình ảnh) sau đó HS đọc theo. Trong quá trình phát âm các em sẽ có sự tự điều chỉnh. Ở lứa tuổi tiểu học, các em luôn coi thầy cô giáo là thần tượng, là chuẩn mực. Đặc điểm tâm sinh lý của HS ở lứa tuổi này là hay bắt chước, các em thích mình giống như các thầy cô và người lớn. HS hằng ngày đến lớp chủ yếu nghe giọng của GV vì vậy GV phải tạo điều kiện cho học sinh nghe đúng, nghe hay thì việc đọc sai, viết sai từng bước được khắc phục. Muốn HS phát âm đúng GV phát âm mẫu thật chính xác để HS học theo. Do đó luyện tập theo mẫu là một trong những phương pháp được dùng phổ biến trong nhà trường tiểu học để khắc phục lỗi phát âm cho HS.

Biện pháp luyện tập theo mẫu được coi là biện pháp cơ bản để sửa lỗi phát âm cho HS. Biện pháp này có thể sử dụng các phương tiện như mô hình, băng tiếng hoặc là do GV trực tiếp phát âm. Việc sử dụng băng hình, băng tiếng giúp cho HS quan sát, ghi nhớ cách phát âm chuẩn nhưng không thể thay thế vai trò của GV. GV vẫn phải phân tích, giảng giải, hướng dẫn cụ thể thao tác phát âm để HS sửa lỗi.

Khi sử dụng biện pháp luyện tập theo mẫu yêu cầu là phải có mẫu phát âm chuẩn kèm theo hình ảnh minh họa. Vận dụng biện pháp luyện phát âm theo mẫu có thể theo các bước sau đây:

GV phát âm mẫu thật chuẩn xác, thật chậm, thật rõ, phát âm tới 2 – 3 lần để HS theo dõi. GV phải chú ý phát âm chuẩn không để tiếng địa phương ảnh hưởng đến cách phát âm của mình.

Hướng dẫn HS cách phát âm, vị trí các bộ phận cách phát âm. Ví dụ điểm đặt lưỡi, vị trí của lưỡi, độ mở của miệng khi bắt đầu hoặc kết thúc. Cho HS phát âm nhiều nhất theo sự hướng dẫn của GV. Chú ý luyện cho từng em hơn là luyện cho nhiều em theo cách đồng thanh.

Trong phần bài khóa và tìm từ ứng dụng: GV yêu cầu HS tìm các từ khó, dễ lẫn, sau đó GV yêu cầu HS nêu những từ khó phát âm hoặc đọc hay sai mà các em tìm được trước lớp và GV chọn những từ mà HS thường mắc lỗi viết lên bảng các từ đó ví dụ: *lao động, vỡ bờ, chim sẻ, tuốt lúa, bàn tay, trồng cây, sản xuất* tùy thuộc từng bài cụ thể để giáo viên lựa chọn từ cần luyện. Sau đó yêu cầu HS luyện phát âm các từ mà tiết học đó tìm được. HS phát âm các từ khó, GV chỉ ra lỗi sai trong cách phát âm của HS.

- GV phát âm mẫu lần một (HS nghe, theo dõi).

- GV phát âm mẫu lần hai và hướng dẫn cách phát âm, yêu cầu cả lớp phát âm theo.

- Yêu cầu cá nhân HS phát âm lại, sau đó yêu cầu HS luyện phát âm các từ khó đọc vừa tìm theo nhóm (GV là người uốn nắn và sửa sai cho những HS phát âm sai).

Ví dụ: Bài 88: “ip – up” để giúp HS phát âm đúng âm *b, s, đ, ch, r* trong bài, GV viết các từ mà học sinh thường mắc lỗi viết lên bảng: *bắt nhịp, búp sen, đuôi kíp, chụp đèn, giúp đỡ*.

- Sau đó yêu cầu HS luyện phát âm các từ trên. HS phát âm các từ đó, GV chỉ ra lỗi sai trong cách phát âm của HS.

- GV phát âm mẫu lần một (HS nghe, theo dõi)

- GV phát âm mẫu lần hai và hướng dẫn cách phát âm, yêu cầu cả lớp phát âm theo.

- Yêu cầu cá nhân HS phát âm lại, sau đó yêu cầu HS luyện phát âm các từ đó (GV là theo dõi và uốn nắn và sửa sai cho những HS phát âm sai).

Ưu điểm: Biện pháp này gọn nhẹ, tiết kiệm lời giảng vì vậy trong thực tế dạy học ở tiểu học GV thường sử dụng phương pháp này.

Nhược điểm:

+ Khi sử dụng biện pháp luyện tập phát âm theo mẫu, chúng ta phải sử dụng lượng thời gian, công sức cao, hiệu quả chữa lỗi thấp vì đây là biện pháp mô phỏng để HS bắt chước làm theo.

+ Cơ sở vật chất phục vụ cho việc dạy và học mặc dù được trang bị khá chu đáo nhưng vẫn còn thiếu thốn chẳng hạn như băng đĩa hình, tranh ảnh hướng dẫn phát âm khiến HS có thể phát âm đúng và phát âm chuẩn.

Với những HS có vấn đề về phát âm (nói ngọng, nói lắp...) GV nên lưu ý nghe thầy (cô) phát âm mẫu rồi phát âm lại cho đúng. Do đó GV phải phát âm rõ ràng, tốc độ vừa phải thì mới có thể giúp HS phát âm đúng được.

Trên thực tế ở các trường phổ thông giọng đọc mẫu của một số GV không chuẩn hay do lỗi phát âm đặc trưng của địa phương. Chẳng hạn có nhiều GV phát âm dấu thanh ngã, thanh sắc, âm tr/ch, s/x,... Nhưng bản thân các thầy cô lại không phát hiện được lỗi phát âm của mình cho rằng mình đã phát âm đúng hoặc có nhiều thầy cô biết mình phát âm sai nhưng chưa thể sửa được, điều đó có ảnh hưởng rất nhiều đến việc sửa lỗi phát âm cho HS. Vậy với bản thân những GV phát âm còn chưa chuẩn phải tự đề ra biện pháp luyện phát âm chuẩn cho riêng mình, tự mình có ý thức cao, phải thường xuyên sửa lỗi phát âm. Có như thế GV mới trở thành những người thầy (cô) mẫu mực trong việc phát âm khi hướng dẫn các em và mới có thể giúp HS phát âm chính xác được. Do đó khi dạy phát âm cho HS luyện tập theo mẫu là một trong những biện pháp phù hợp với quá trình khắc phục lỗi phát âm cho HS. Biện pháp này sử dụng nhằm kích thích tính tích cực chủ động của HS tiểu học. Ngoài ra sử dụng biện pháp này khi sửa lỗi phát âm cho HS đặc biệt tạo hứng thú, gây sự chú ý của các em vào các phương tiện được dùng để sửa lỗi phát âm, từ đó giúp HS luôn có ý thức nâng cao hiệu quả phát âm đúng, chuẩn tiếng Việt.

2.1.2. Biện pháp phân tích cách phát âm

Biện pháp phân tích cách phát âm là phương pháp dạy học có ý thức, GV tổ chức cho HS mô tả cách phát âm của âm vị mắc lỗi, so sánh, đối chiếu với cách phát âm của âm chuẩn, kèm theo các hình vẽ minh họa, từ đó HS nắm được nguyên nhân của việc mắc lỗi và sửa chữa.

GV chỉ ra nguyên nhân cách phát âm sai của HS bằng cách chỉ ra cách sử dụng cách phát âm không đúng của các em, sau đó GV hướng dẫn HS phát âm lại theo cách sử dụng các bộ phận phát âm đúng.

Để thực hiện biện pháp này, GV phải mô tả thật ngắn gọn, dễ hiểu kết hợp với mô tả bằng động tác là chủ yếu, tránh dùng thuật ngữ khó hiểu với HS. Biện pháp này đòi hỏi GV phải có kiến thức về ngữ âm tương đối vững vàng, nắm được kỹ thuật phát âm chính xác có khả năng mô tả chính xác cách phát âm, biện pháp này có hiệu quả cao khi sửa lỗi phụ âm đầu.

Vận dụng biện pháp phân tích cách phát âm theo các bước sau đây:

Bước 1: HS phát âm tự nhiên.

Bước 2: Tổ chức cho HS phân tích: phân loại kết quả phát âm tự nhiên của HS (đúng hay sai) chỉ ra lỗi phát âm, nguyên nhân và cách khắc phục.

Bước 3: HS phát âm theo mẫu, nhận xét, sửa chữa điều chỉnh.

Bước 4: Luyện tập đưa âm đã sửa vào ngữ cảnh.

Ví dụ: “Bài 85: ăp - ập” để giúp HS phát âm đúng âm *b*, *r* trong bài, GV viết các từ mà HS thường mắc lỗi viết lên bảng: *bấp cải*, *bập bệnh*, *bờ ao*, *mưa rào*.

- GV yêu cầu HS phát âm tự nhiên các từ: *bấp cải*, *bập bệnh*, *bờ ao*, *mưa rào*.

- Sau khi HS phát âm GV chỉ ra các lỗi sai của HS và hướng dẫn HS phân tích kết quả phát âm tự nhiên, chỉ ra nguyên nhân, cách khắc phục các lỗi sai đó. Đó là việc chỉ ra cho HS phân việc phát âm b/v, r/d để từ đó chữa lỗi cho các em.

- GV tiến hành phát âm mẫu hai lần.
- GV yêu cầu HS phát âm theo sau đó nhận xét, sửa chữa.
- GV đưa từ cần luyện phát âm vào ngữ cảnh. Ví dụ đưa từ *bắp cải* vào câu: *Mẹ đi chợ mua bắp cải.*

Phân tích cách phát âm là biện pháp phát huy tính tích cực của HS như các thao tác: phân tích, so sánh, đối chiếu giúp HS nhanh chóng hiểu bản chất vấn đề, nguyên nhân mắc lỗi phát âm, đề ra các phương hướng sửa chữa. Từ đó kích thích HS luôn luôn ý thức được tầm quan trọng của việc sửa lỗi phát âm trong lời nói của mình ở mọi lúc, mọi nơi nhằm tạo hiệu quả trong việc học tập và giao tiếp hằng ngày của các em.

2.1.3. Biện pháp luyện tập phát âm tổng tập

Do sự biến đổi của các yếu tố trong phần vần các phương ngữ rất đa dạng và phong phú, không đơn giản như phụ âm đầu nên người ta thường sử dụng biện pháp luyện tập tổng hợp là phương pháp chính. Nếu dùng biện pháp luyện tập theo mẫu hoặc biện pháp phân tích cách phát âm để chữa lỗi phần vần thì khó mô tả và dẫn đến hiệu quả chữa lỗi không cao. Biện pháp này sửa lỗi phụ âm đầu là một biện pháp hiệu quả vì khi nghe mẫu, phân tích và giải nghĩa thì các em sẽ nắm rõ hơn yếu tố cần sửa.

Dùng biện pháp luyện tập tổng hợp sẽ giúp chúng ta kết hợp được các yếu tố ngữ âm, chính tả, ngữ nghĩa của các từ cần sửa. Sử dụng biện pháp này, trước hết GV dùng trực giác để rèn luyện phát âm cho HS thông qua giọng đọc, thông qua chữ viết sau đó GV tổ chức, hướng dẫn HS phân tích các thành phần của âm mắc lỗi và thành phần của âm chuẩn để HS nhận diện. GV tổ chức, hướng dẫn để các em đưa ra các trường hợp cần sửa vào ngữ cảnh nhằm khu biệt nghĩa, từ đó HS có ý thức phân biệt phát âm sai và phát âm đúng đồng thời sửa chữa có hiệu quả.

Yêu cầu khi sử dụng biện pháp pháp luyện tập tổng hợp là GV phải tổ chức cho HS luyện tập tổng hợp trước để các em tri giác được cách phát âm tổng quát sau đó kết hợp với phân tích ngữ âm, phân tích ngữ nghĩa, phân tích chính tả, ... Vận dụng biện pháp luyện tập tổng hợp có thể thao tác theo các bước sau đây:

Bước 1: HS phát âm theo mẫu.

Bước 2: Tổ chức cho HS phân tích cấu âm, phân tích chính tả, kết hợp tìm hiểu nghĩa của tiếng, từ cần sửa.

Bước 3: HS phát âm theo mẫu, nhận xét, sửa chữa, điều chỉnh.

Bước 4: Luyện tập đưa âm cần sửa vào ngữ cảnh.

Khi sử dụng vào sửa các lỗi cụ thể, GV cần lựa chọn hoặc kết hợp linh hoạt các biện pháp để có thể đạt hiệu quả cao.

Ví dụ: Bài 88: “ip – up” để giúp HS phát âm đúng âm *b, s, đ, ch, r* trong bài, GV viết các từ mà HS thường mắc lỗi viết lên bảng: *bắt nhip, đuổi, chụp đèn, giúp đỡ...*

- Sau khi nghe GV phát âm mẫu lần một các từ khó trên, HS sẽ phát âm theo, sau đó GV sẽ giải nghĩa từ để HS hiểu rõ hơn.

Bắt nhip: điều khiển nhip cho nhiều người hát hoặc biểu diễn nhạc khí.

Chụp đèn: bộ phận hình phễu hoặc loe rộng đặt úp trên bóng đèn để che gió, ngăn chói, hoặc để tập trung ánh sáng xuống phía dưới.

Giúp đỡ: giúp để làm giảm bớt khó khăn hoặc để thực hiện được một công việc nào đó.

- HS phát âm theo mẫu, GV sẽ sửa chữa, điều chỉnh cách phát âm đúng cho HS.

- Cho HS phát âm theo mẫu

Ví dụ: Bài 85: “ấp – âp” khi cho HS phát âm các tiếng, từ khó như: *thấp, rào, tạnh, cải bắp, bập bênh, gập gờ, bờ ao, cặp sách.*

- Sau khi nghe GV phát âm mẫu các từ khó trên, HS sẽ phát âm theo và sau đó GV sẽ giải thích nghĩa của từ để HS hiểu rõ hơn.

- HS phát âm theo mẫu, GV sẽ điều chỉnh, sửa chữa cách phát âm đúng cho HS.

- Cho HS phát âm lại từ đó chúng ta có thể rút ra những âm, vần cần sửa chữa khi rèn luyện ngôn ngữ trên khía cạnh ngữ âm cho HS dân tộc Thái.

Luyện tập tổng hợp là một trong những biện pháp hữu hiệu nhất của quá trình học tập ở tiểu học từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp. Ở biện pháp này bắt đầu HS được hướng dẫn sửa lỗi bằng hình ảnh trực quan sau đó là phân tích các thành phần mắc lỗi ở mức khái quát, trừu tượng hơn. Có thể thấy quá trình sửa lỗi phát âm cho HS đã được cụ thể hoá bằng các thao tác từ dễ đến khó, từ đó sẽ tạo hứng thú học tập cho các em, vừa giúp các em dễ nhớ, nhớ lâu các lỗi phát âm thường mắc, có ý thức hơn trong việc sửa lỗi phát âm. Vì vậy chương trình tiểu học trở thành một yêu cầu cơ bản và một biện pháp quan trọng để giúp các em hạn chế phát âm sai tiếng Việt trong lời nói của mình, từ đó nâng cao việc rèn luyện kỹ năng phát âm chuẩn cho HS.

2.1.4. Biện pháp tổ chức trò chơi học tập để sửa lỗi phát âm cho HS

2.1.4.1. Khái niệm trò chơi học tập

Trong tâm lý học đại cương và giáo dục học trẻ em đưa ra khái niệm trò chơi học tập như sau: Trò chơi học tập là “Trò chơi có luật và những nội dung cho trước, là trò chơi của sự nhận thức, hướng đến sự mở rộng, chính xác hoá, hệ thống hóa các biểu tượng đã có nhằm phát triển các năng lực trí tuệ, giáo dục lòng ham hiểu biết của trẻ - trong đó nội dung học tập kết hợp với hình thức chơi”.

2.1.4.2. Sự cần thiết của tổ chức trò chơi học tập

Muốn HS tiểu học học tốt thì mỗi người GV không phải chỉ truyền đạt, giảng giải theo các tài liệu đã có sẵn trong sách giáo khoa, sách hướng dẫn và thiết kế bài giảng một cách rập khuôn, máy móc làm cho HS học tập một cách thụ động. Nếu chỉ dạy học như vậy thì việc học tập của HS sẽ diễn ra thật đơn điệu, tẻ nhạt và kết quả học tập sẽ không cao. Nó là một trong những nguyên nhân gây ra cản trở việc đào tạo các em thành những con người năng động, tự tin, sáng tạo sẵn sàng thích ứng với cuộc sống diễn ra hàng ngày.

Yêu cầu: Giáo dục hiện nay đòi hỏi phải đổi mới PPDH hướng tới “*Trường học thân thiện – Học sinh tích cực*”. Vì vậy, người GV phải tạo được hứng thú học tập cho các em bằng cách lôi cuốn các em tham gia vào các hoạt động học tập. Trò chơi học tập là một hoạt động mà các em hứng thú nhất. Thông qua các trò chơi các em sẽ lĩnh hội tri thức một cách dễ dàng, củng cố, khắc sâu kiến thức một cách vững chắc, tạo cho các em niềm say mê, hứng thú trong học tập, trong việc làm. Khi chúng ta đưa ra được các trò chơi thường xuyên, khoa học thì chắc chắn chất lượng dạy học sẽ ngày càng nâng cao;

Trò chơi học tập phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của HS tiểu học: Một trong những đặc điểm tâm lý của HS tiểu học là “*vừa dạy, vừa dỗ*”, “*vui mà học, học mà vui*”. Chính vì điều đó, trò chơi học tập là một trong những biện pháp dạy học dễ tạo được hứng thú nhất, từ đó thúc đẩy nhanh quá trình nhận thức và rèn luyện kỹ năng của HS;

Tổ chức trò chơi trong dạy Tiếng Việt lớp 1 là một hình thức dạy học, việc chơi trở thành một biện pháp học tập. Trò chơi hướng vào mục đích củng cố kiến thức, rèn luyện kỹ năng từng bài, từng nhóm, từng chủ đề của chương trình môn học. Riêng trò chơi học tập cho phân môn Học vần trò chơi phải biết kết hợp củng cố kiến thức âm, vần mới và rèn luyện kỹ năng đọc;

Trò chơi phải hướng vào việc củng cố kiến thức, rèn luyện kỹ năng. Nội dung chơi là một đơn vị kiến thức, một số thao tác của kỹ năng hay của nhiều

đơn vị kiến thức;

Trò chơi phải đa dạng phong phú, giúp cho HS luôn được thay đổi cách thức hoạt động trong lớp, phối hợp được nhiều cơ quan vận động và các giác quan. Điều kiện tổ chức trò chơi cần đơn giản, dễ làm, dễ thực hiện.

2.1.4.3. Một số trò chơi cụ thể

a) Trò chơi “Hái hoa”

Mục đích: Giúp HS đọc và viết được các tiếng, từ đã học.

Chuẩn bị: HS có bảng con, phấn viết, giẻ lau bảng. Cây có thể là cây thật hoặc giả có nhiều cành. Cành treo được các bông hoa giấy. Hoa giấy có hình hoa 5 cánh. Số lượng tùy thuộc vào số lượng tiếng, từ trong bài để GV chuẩn bị. Chữ ghi trong hoa là các tiếng, từ đã học, mỗi chữ ghi vào 2 hoa.

Luật chơi: Từng đội cử đại diện lên hái hoa và đọc tron yêu cầu của hoa. Cả đội phải ghi đúng, nhanh, đẹp chữ mà hoa yêu cầu. Đại diện ghi trên bảng lớp. Cả đội ghi trên bảng con. Đội thắng cuộc là đội có nhiều người ghi đúng, nhanh, đẹp theo yêu cầu của hoa.

Tổ chức chơi:

- Chia lớp thành 3 đội chơi.
- GV nêu yêu cầu của cuộc chơi: “Hái hoa và làm theo yêu cầu được ghi trong ở hoa.”
- Mỗi đội cử một người thay mặt đội lên hái hoa. Hái được bông hoa nào, người đại diện đó phải giở ra, đọc to chữ ghi trong hoa (đọc tron).
- Cả đội thực hiện yêu cầu của hoa. Người đại diện viết trên bảng lớp, cả đội viết trên bảng con.
- Hết giờ, GV cho các đội tính điểm cho các đội:
 - + Đọc đúng: được cộng 2 điểm cho đội.
 - + Đọc sai: bị trừ 2 điểm của đội.
 - + Một người viết đúng: cộng 2 điểm cho đội.

+ Một người viết sai: trừ 2 điểm của đội.

* Trò chơi này có thể sử dụng khi dạy dạng bài ôn tập.

Ví dụ: Khi dạy bài 90: Ôn tập chúng ta sử dụng trò chơi này vào phần củng cố cuối bài.

Mục đích: Giúp HS đọc, viết và phân biệt được các tiếng, từ bắt đầu bằng: *b/v, tr/ch, l/đ*

Chuẩn bị: HS có bảng con, phấn viết, giẻ lau bảng; Cây (thật hoặc giả) có nhiều cành, cành treo được các bông hoa giấy. Hoa giấy có hình hoa 5 cánh. Số lượng: 16 bông. Các từ được ghi trong hoa: *đây ắp, ắp trứng, đón tiếp, cá chép, chùm rế, trên bờ, đẹp, trong*. Mỗi từ ghi vào 2 bông hoa.

Luật chơi:

- Từng đội cử đại diện lên hái hoa và đọc trơn yêu cầu của hoa.

- Cả đội phải ghi đúng, nhanh, đẹp chữ mà hoa yêu cầu. Đại diện ghi trên bảng lớp, cả đội ghi trên bảng con.

- Đội thắng cuộc là đội có nhiều người ghi đúng, nhanh, đẹp theo yêu cầu của hoa.

Tổ chức chơi:

- Chia lớp thành 3 đội chơi.

- GV nêu yêu cầu của trò chơi: “Hái hoa và làm theo yêu cầu được ghi trong ở hoa.”

- Mỗi đội cử một người thay mặt đội lên hái hoa. Hái được bông hoa nào, người đại diện đó phải giở ra, đọc to chữ ghi trong hoa (đọc trơn).

- Cả đội thực hiện yêu cầu của hoa. Người đại diện viết trên bảng lớp, cả đội viết trên bảng con.

- Hết giờ GV cho các đội tính điểm cho các đội:

+ Đọc đúng: được cộng 2 điểm cho đội.

+ Đọc sai: bị trừ 2 điểm của đội.

+ Một người viết đúng: cộng 2 điểm cho đội.

+ Một người viết sai: trừ 2 điểm của đội.

b) Trò chơi “Nhìn tranh đoán chữ”

Mục đích: Giúp HS nghe, nhận diện được các tiếng, từ có vần đã học.

Mở rộng vốn từ cho HS qua các tranh minh họa.

Chuẩn bị:

Những tranh ảnh để gợi ý cho HS tìm được tiếng, từ có vần cần ôn trong mỗi bài học vần. Ví dụ: Khi dạy bài 44 “on – an” để sửa lỗi phát âm âm /s/, /b/ GV tổ chức trò chơi này.

GV chuẩn bị tranh:



- HS có bảng con và phấn viết, giẻ lau bảng.

Luật chơi:

- HS quan sát tranh và suy nghĩ tìm được tiếng, từ có chứa vần vừa học.

- Ghi được các tiếng, từ đó vào bảng con sau đó đọc các từ đó.

Tổ chức chơi:

- Chia lớp thành 2 đội chơi. Mỗi đội chơi có số lượng HS bằng nhau. Tất cả HS trong nhóm đều phải tham gia chơi. GV cử ra một tổ làm trọng tài gồm 2 HS.

- GV nêu yêu cầu của trò chơi: Các nhóm quan sát tranh GV đưa ra rồi viết tiếng, từ tương ứng với nội dung tranh vào bảng con.

- GV cho HS của các đội giơ bảng và GV cùng với tổ trọng tài chấm điểm. GV cho HS chơi vài ba lượt rồi tổ trọng tài tổng kết số điểm.

Cách chấm: Mỗi bạn của đội viết đúng một tiếng, từ và đọc đúng thì đội đó được cộng một điểm. Đội thắng cuộc là đội có số lượng HS viết, đọc đúng nhiều tiếng, từ nhất.

C) Trò chơi “Chiếc nón kì diệu”

Mục đích: Giúp HS luyện đọc, viết những từ ứng dụng chứa các vần đang học; Rèn luyện kỹ năng quan sát; Phát triển kỹ năng phân tích, suy luận.

Chuẩn bị:

- GV chuẩn bị một hình tròn bằng xốp hoặc bìa cứng có trục ở giữa, trên trục gắn một mũi tên bằng bìa cứng. Trên hình tròn có chia các ô ghi các vần cần ôn.

- HS: Bảng con, phấn.

Cách tiến hành:

- GV chia lớp thành các nhóm có số lượng thành viên bằng nhau.
- Các nhóm bốc thăm xem nhóm nào được quay trước. Mũi tên dừng ở vần nào, GV sẽ đọc một câu hỏi mà đáp án có chứa vần vừa quay vào, các nhóm bàn bạc tìm xem đó là từ nào và viết vào bảng. Khi có hiệu lệnh, các nhóm phải giơ bảng và đọc các từ đó. Nhóm nào tìm và đọc được đúng từ được 10 điểm.

- Sau 2 lượt chơi, nhóm nào nhiều điểm nhất sẽ giành chiến thắng.

Lưu ý: Thời điểm sử dụng: Trước thời gian luyện đọc GV lấy đáp án làm ngữ liệu luyện đọc, trong thời gian củng cố cuối giờ hoặc kiểm tra bài cũ.

Ví dụ: Khi dạy bài 74: “uôt – ươt” trong hoạt động củng cố bài, giáo viên tổ chức cho HS tiến hành chơi trò chơi.

GV gắn các vần: *uôt, ươt, uôi, an, eo* vào bìa cứng hình tròn có gắn trục ở giữa.

GV chia lớp thành 2 nhóm, mỗi nhóm có 4 HS sau đó tổ chức cho HS chơi tìm các vần trên.

d) Trò chơi “Ong tìm hoa”

Mục tiêu: Rèn luyện cho HS kỹ năng đọc lưu loát, hiểu nội dung đọc và mở rộng vốn từ

Chuẩn bị: GV có các chú ong có ghi nội dung từ + các bông hoa có ghi từ (tùy vào nội dung bài để GV chuẩn bị số chú ong và số bông hoa)

Ví dụ: Khi dạy bài 54 “ung – ưng” GV chuẩn bị:

5 x 2 hình vẽ hoa có ghi chữ: *cây/ bông/ vui/ sùng/ trung*

5 x 2 hình vẽ ong có ghi chữ: *thu/ sung/ sủng/ hươu/ mừng*

Tổ chức:

- Chơi tiếp sức
- GV gắn một cột bông hoa có chữ, một cột ong có chữ HS thi đua gắn ong vào sát hoa để có từ và đọc từ. Đội nào đọc nhanh đội đó sẽ thắng cuộc.

e) Trò chơi “Tìm tiếng theo phụ âm”

Mục tiêu: HS mở rộng vốn từ theo cách thay vần học lớp 1; Luyện kỹ năng phân biệt và đọc đúng các phụ âm; HS mạnh dạn tự tin trong học tập.

Chuẩn bị:

- Thẻ chữ cái phụ âm
- Hộp đựng thẻ chữ.

Cách chơi: Mời một HS lên bốc một thẻ chữ cái và nêu các tiếng, từ có phụ âm đầu thể hiện bằng chữ cái đó.

Ví dụ: Thẻ chữ *b* thì yêu cầu HS tìm các từ bắt đầu bằng âm *b*: *bàn, bóng, biển, bàn tay ...*; Thẻ chữ *tr* thì yêu cầu HS tìm các từ bắt đầu bằng âm: *tròn, tre, trúc, trung thu, ...*

- HS nêu xong mời bạn khác lên bảng bốc tiếp.
- Trò chơi tiếp tục theo dự kiến của GV.
- GV ghi lại tên HS bốc thẻ chữ và số lượng tiếng/từ mà HS tìm được.
- Hết thời gian, HS nào tìm được nhiều từ là thắng.

Lưu ý: Khi lựa chọn các phụ âm để HS bóc thăm cần lựa chọn những phụ âm các em dễ mắc lỗi, dễ nhầm lẫn để có biện pháp sửa lỗi từ đó các em sẽ nhớ lâu các tiếng, từ vừa tìm được.

2.1.5. Biện pháp thường xuyên luyện đọc các từ khó trong giờ Học vần

HS lớp 1 Trường Tiểu học Mường Chùm A ngôn ngữ ảnh hưởng nhiều bởi tiếng địa phương và từ mẹ đẻ nên khi nói các em mắc nhiều lỗi phát âm. Vì thế, người GV cung cấp và cho HS luyện phát âm nhiều từ khó bằng cách thường xuyên luyện đọc các từ khó trong giờ Học vần.

GV cần tạo nhiều cơ hội để HS giao tiếp và thực hành tiếng Việt, tận dụng tối đa tình huống thực, trong quá trình dạy học sinh đọc, GV phải thường xuyên đặt câu hỏi, cho HS được luyện đọc nhiều từ HS mắc lỗi phát âm, mở rộng vốn từ. Đây cũng là một yêu cầu cơ bản và là một biện pháp khá quan trọng để giúp các em hạn chế phát âm sai chuẩn tiếng Việt. Do đó trong quá trình luyện phát âm các từ khó HS hiểu được cách phát âm chuẩn.

Ví dụ: Khi dạy bài 57 “ang – anh” GV đưa ra các từ: *buôn làng, bánh chưng*. Đây là những từ HS khó đọc GV cần luyện phát âm nhiều hơn cho các em trong tiết học.

2.1.6. Biện pháp sử dụng các thiết bị dạy học để khắc phục lỗi phát âm trong dạy học giờ Học vần

Ở lứa tuổi học sinh tiểu học nhất là HS lớp 1 khả năng tư duy trừu tượng kém, phần lớn các em phải dựa trên những mô hình vật thật, tranh ảnh, do vậy trong các giờ học việc yêu cầu GV sử dụng đồ dùng dạy học là không thể thiếu kể cả đồ dùng do GV tự làm, đồ dùng dạy học là phương tiện chuyển tải thông tin và là nội dung truyền thụ kiến thức giáo dục tư cách, rèn luyện kỹ năng thực hành cho HS, nó có tác dụng điều khiển hoạt động của các em từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, kích thích hứng thú cho HS học tập. Chúng ta phải tâm niệm rằng trẻ không sợ học mà chỉ sợ những tiết học

đơn điệu nhằm chán vì thế đồ dùng dạy học có tác dụng rất lớn trong quá trình dạy môn TV - Học vần cho HS, nhất là các em HS học chậm, HS mắc lỗi phát âm.

Ví dụ: Bài 41: “ưu – uou” GV dùng tranh vẽ (hoặc vật thật) trái lựu, tranh con hươu sao để HS quan sát và tìm ra từ khoá sau khi các em đã nhận diện vần ưu và uou ở phần đầu tiết học. Từ những hình ảnh như thế các em sẽ dễ nhớ và nhớ chính xác hơn các vần và các từ được học bởi các em có sự liên tưởng từ vật thật đến vần của bài học.

Như vậy dùng tranh, ảnh, vật thật trong các tiết Học vần giúp HS nhớ vần và từ tốt hơn.

Ngoài ra, dùng tranh ảnh có vai trò rất lớn trong phần luyện nói ở các tiết 2 của phân môn Học vần.

Ngoài các đồ dùng dạy học, áp dụng công nghệ thông tin vào việc sửa lỗi phát âm mang lại hiệu quả cao trong quá trình giảng dạy nói chung và việc sửa lỗi phát âm nói riêng.

Tác dụng của sử dụng công nghệ thông tin: Thế kỉ XXI là thế kỉ của công nghệ thông tin, của các thành tựu khoa học kĩ thuật hiện đại. Cùng với sự phát triển của khoa học kĩ thuật, con người cũng cần có sự thay đổi để phù hợp với sự phát triển đó. Trong dạy học hiện nay, vận dụng công nghệ thông tin vào việc dạy học là rất cần thiết để công nghệ thông tin vào dạy học vừa mang tính hiện đại, vừa cập nhật với xu thế phát triển của xã hội. Để làm được điều đó, đòi hỏi mỗi GV phải có quá trình tự học, tự nỗ lực, cố gắng không để cho mình bị tụt hậu. Tuy nhiên, bên cạnh đó cần có sự đầu tư về cơ sở vật chất đảm bảo cho việc sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học đạt hiệu quả. Việc sử dụng công nghệ thông tin vào dạy học hiện nay thì phần mềm được sử dụng phổ biến nhất là phần mềm PowerPoint. Bài giảng được thiết kế với nhiều Slideshow chạy nối tiếp nhau trên màn hình. Số lượng Slide nhiều hay ít phụ thuộc vào lượng kiến thức của bài dạy và sự thiết kế của mỗi

GV. Trong mỗi Slide có hiệu ứng chữ, hình ảnh sinh động, bắt mắt thể hiện nội dung bài học. Điều này có ý nghĩa rất lớn đối với HS tiểu học nói chung và đặc biệt là HS lớp 1 nói riêng. Các em luôn bị thu hút và hấp dẫn bởi những gì mới lạ màu sắc nổi bật. Việc sử dụng phần mềm PowerPoint sẽ rất hiệu quả đối với dạy học Học vần nói chung và dạy phát âm nói riêng. Ngoài ra, ở phần mềm PowerPoint số lượng kênh hình rất phong phú, đa dạng, kênh chữ dễ điều khiển, có thể ẩn hiện hoặc chạy lại trên màn hình giúp HS ghi nhớ bài học nhanh hơn, nhớ lâu hơn.

Yêu cầu khi sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học:

- Phải có sự đầu tư về cơ sở vật chất kỹ thuật, máy móc như: máy vi tính, máy chiếu, phòng học chức năng... để phục vụ cho việc giảng dạy bằng công nghệ thông tin .

- GV phải được nâng cao trình độ sử dụng công nghệ thông tin, các thiết bị phục vụ cho dạy học như: Máy vi tính, máy chiếu,... sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học Học vần GV có thể sử dụng phần mềm PowerPoint vào một bài dạy cụ thể. Trong bài dạy có chứa các Slide, mỗi Slide là một nội dung kiến thức về âm, vần, từ tiếng cần học. Trong mỗi Slide có các hình ảnh sinh động, đẹp mắt. Đó là tranh minh họa các âm, vần, từ cần luyện đọc, ngoài ra GV có thể lồng ghép giọng phát âm mẫu để HS nghe và phát âm theo.

Ví dụ: Khi dạy bài 46: “ôn – ơn”, GV có thể thiết kế bài dạy bằng phần mềm PowerPoint.

Phần kiểm tra bài cũ: GV chiếu cho HS đọc bài khóa và từ ứng dụng của bài 45: “ân – ăn”

ân	ã – ăn
cân	trăn
cái cân	con trăn
bạn thân	khăn rằn
gần gũi	dặn dò

Ở phần khởi động: GV chiếu cho các em xem một số con vật.

Phần bài mới: GV chiếu bức ảnh con chồn và giới thiệu vằn mới. Sau đó GV đặt câu hỏi và trình chiếu phân ghép tiếng chồn và từ con chồn rồi cho HS đọc.

Đối với vằn on GV chiếu hình ảnh con chim sơn ca và giới thiệu vằn mới tương tự như cách thực hiện vằn ôn.

Sau đó GV chiếu những từ ngữ và dùng chữ khác màu đối với phụ âm *ch* và *s* lên bảng cho HS quan sát. Có thể GV ghép giọng phát âm mẫu hoặc GV phát âm mẫu trực tiếp cho HS nghe và cho HS phát âm lại và luyện phát âm theo nhóm. GV có thể chiếu hình ảnh để giải thích những từ cần giải nghĩa

Luyện đọc, luyện nói: GV cho HS quan sát tranh minh họa, luyện đọc, luyện nói nhiều lần kết hợp với nghe đọc mẫu, sửa lỗi của GV thì HS sẽ phát âm đúng.

GV sử dụng phần mềm PowerPoint vào dạy phần luyện phát âm trong một đơn vị bài dạy cụ thể. GV chỉ sử dụng phần mềm PowerPoint khi luyện phát âm cho HS, GV soạn thảo một Slide có chứa hình ảnh minh họa âm, vằn, từ, tiếng cần phát âm kết hợp với giọng phát âm mẫu giúp HS được nhìn, nghe cách phát âm từ đó các em phát hiện và điều chỉnh cách phát âm của bản thân.

Tuy nhiên, trong quá trình áp dụng GV chú ý lựa chọn tranh ảnh và hiệu ứng phù hợp, không nên có những hình ảnh và hiệu ứng gây sự chú ý quá vào nó làm mất sự tập trung vào kiến thức bài học của HS. GV cũng không nên quá lạm dụng để tránh tình trạng không phát triển tư duy của các em, nên sử dụng đúng lúc và khi cần thiết.

Bên cạnh đó, trong quá trình sửa lỗi cho HS GV sử dụng băng ghi âm - băng ghi âm là công cụ ghi lại âm thanh và phát lại từ ngữ cần phát âm qua máy ghi âm. Băng ghi âm sử dụng trong phân môn Học vằn có tác dụng rèn

luyện kỹ năng phát âm chuẩn cho HS, tạo ra không khí học tập sôi nổi và sinh động. Ngoài một số thiết bị dạy học trên, GV có thể sử dụng các thiết bị dạy học khác như: bảng phụ, phiếu học tập... nhằm phát huy tính tích cực của HS trong từng bài học.

2.2. Quy trình sửa lỗi phát âm

2.2.1. Quy trình sửa lỗi phát âm phụ âm đầu

Tùy theo mức độ mắc lỗi các phụ âm đầu của HS mà chúng ta lựa chọn cách sửa chữa khác nhau. Như đã đề cập, phụ âm đầu là một bộ phận cấu thành nên âm tiết TV nhưng so về sự kết hợp với phần vần và thanh điệu, phụ âm đầu kết hợp lỏng lẻo hơn, chính vì vậy khi chữa lỗi phụ âm đầu cho HSĐTTS chúng ta có thể tuân theo các bước sau:

- Xác định nguyên nhân của việc mắc lỗi: Thông thường người ta có thể thấy nguyên nhân của việc mắc lỗi là do HS khó phân biệt các phụ âm đầu do chúng có cách phát âm gần giống nhau hoặc do những điểm tương đồng.

Ví dụ: Người nói không phân biệt được âm /v/ và âm /b/ (tiếng vẽ phát âm thành *bẽ*, từ *con vịt* phát âm thành *con bít*, *biết* phát âm thành *viết*,...)

- Xác định phương pháp sửa lỗi: Khi xác định phương pháp sửa lỗi cần định hướng phương pháp chính và phương pháp bổ sung. Trong quá trình sửa lỗi phát âm phụ âm đầu, người ta thường sử dụng luyện theo phát âm mẫu. Tuy nhiên, tùy theo từng lớp mà chúng ta xác định phương pháp chính và phương pháp bổ sung, đối với những lớp đầu tiểu học nhất là lớp 1 người ta sử dụng phương pháp luyện phát âm theo mẫu, bổ sung phương pháp phân tích cách phát âm.

- Thực hiện việc sửa lỗi theo quy trình của các phương pháp: Tùy vào nội dung từng bài học và đối tượng HS mà GV lựa chọn các biện pháp và hình thức tổ chức dạy học khác nhau. Tuy nhiên, biện pháp chủ yếu được sử dụng để sửa lỗi phụ âm đầu là biện pháp luyện theo phát âm mẫu.

Quy trình thực hiện biện pháp luyện theo phát âm mẫu:

Bước 1: Cung cấp mẫu phát âm

Bước 2: HS phát âm theo âm chuẩn

Bước 3: Nhận xét, sửa chữa

Bước 4: Đưa âm đã sửa vào ngữ cảnh

Quy trình thực hiện phương pháp phân tích cách phát âm:

Bước 1: GV cho HS phát âm tự nhiên

Bước 2: Tổ chức cho HS phân tích, phân loại kết quả phát âm tự nhiên của HS (sai/ đúng) chỉ ra lỗi phát âm, nguyên nhân và cách khắc phục.

Bước 3: HS luyện phát âm theo mẫu, nhận xét, sửa chữa, điều chỉnh

Bước 4: Luyện tập đưa âm đã sửa vào ngữ cảnh

Đưa âm đã sửa vào ngữ cảnh, nhân rộng phạm vi sửa lỗi đây là yêu cầu bắt buộc trong việc sửa lỗi. Yêu cầu này xuất phát từ cơ sở lí luận và cơ sở thực tiễn sau đây:

Thứ nhất: Đơn vị ngôn ngữ trong giao tiếp không phải là âm, tiếng, thậm chí không phải là từ mà đơn vị thấp nhất trong giao tiếp là câu.

Thứ hai: Trong thực tế, HS có thể sửa được các âm nhưng khi đưa âm đó vào tiếng, từ, vào câu thì sẽ xảy ra hai trường hợp: một là HS không phát âm đúng âm đã sửa do mối quan hệ giữa các yếu tố trong tiếng và các tiếng trong từ, các từ trong câu, hai là vì cố tình phát âm âm đã sửa cho đúng nên phát âm từ, câu có thể sai.

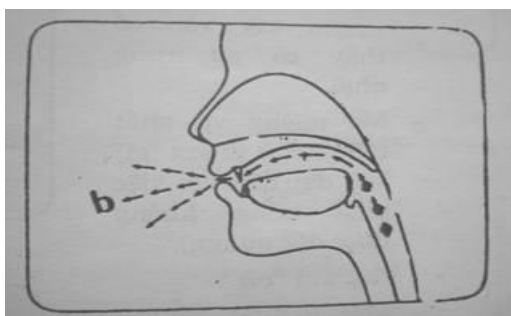
Như vậy, HS phát âm âm đã sửa được xem là đúng chỉ khi các em đã đặt âm đó vào trong tiếng, trong từ và trong câu. Yêu cầu nhân rộng việc sửa lỗi cũng không tách khỏi quy trình do lượng thời gian trong việc sửa lỗi của một giờ học quá ít nên bước này có tác dụng giải quyết mâu thuẫn về mục tiêu và thời gian. Mục tiêu của việc sửa lỗi không chỉ bó hẹp trong phạm vi của một âm, một tiếng, một từ mà thông qua việc sửa chữa các âm, vần, các tiếng, các

từ mà HS sẽ có ý thức phát âm đúng trong mọi ngữ cảnh.

+ Một số ví dụ sửa lỗi phát âm phụ âm đầu:

Sửa lỗi phát âm từ âm /b/ thành âm /v/

Hình vẽ mô tả cách phát âm /b/ như sau:



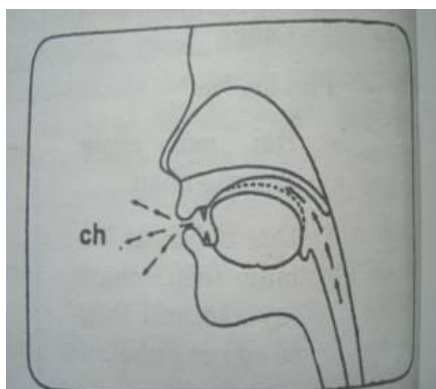
Để sửa lỗi này GV cần hướng dẫn HS đặt lòng bàn tay trước miệng, một tay đặt lên thanh quản khi phát âm âm /b/ HS cảm nhận được độ rung nhẹ của thanh quản và không thấy luồng hơi thoát ra.

Với các âm khác như /b/ và /v/, /l/ và /đ/ GV hướng dẫn HS sửa lỗi phát âm theo vị trí các bộ phận của cách phát âm như: điểm đặt lưỡi, vị trí của lưỡi, độ mở của miệng khi bắt đầu hoặc kết thúc.

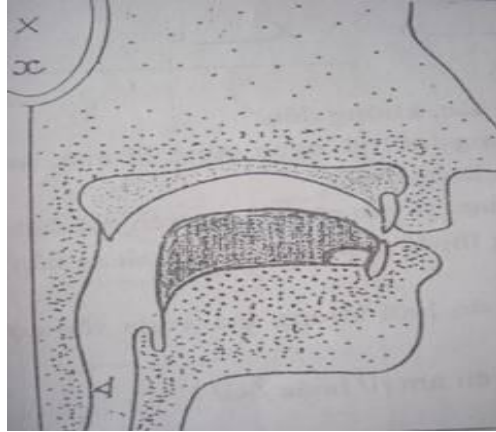
GV có thể hướng dẫn HS một số thao tác cơ bản để phát âm chuẩn một số âm dễ lẫn như:

Tr: Cong đầu lưỡi lên chạm vào vòm miệng, mặt lưỡi hơi uốn xuống (nên còn gọi là phụ âm quặt lưỡi) luồng hơi bật ra tương đối mạnh, miệng há.

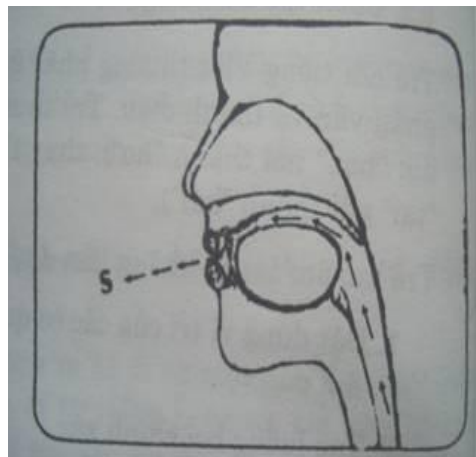
Ch: Nâng lưỡi lên, lưỡi trước chạm vào lợi của hàm răng trên, mặt lưỡi thẳng đẩy luồng hơi ra nhẹ nhàng, miệng há nhẹ.



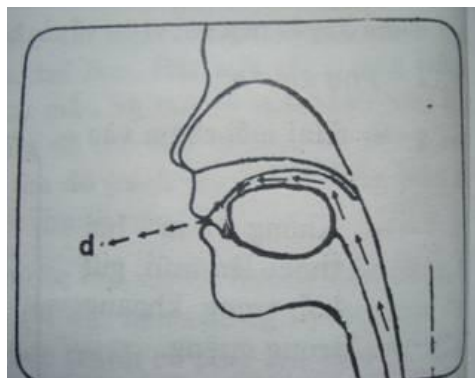
X: Đầu lưỡi chạm vào phần lợi của hàm răng trên, đẩy luồng hơi ra nhẹ nhưng có độ xuyt của âm gió.



S: Đưa đầu lưỡi cong lên chạm vào vòm miệng, mặt lưỡi uốn xuống đẩy luồng hơi ra mạnh nhưng cũng có độ xuyt của âm gió.



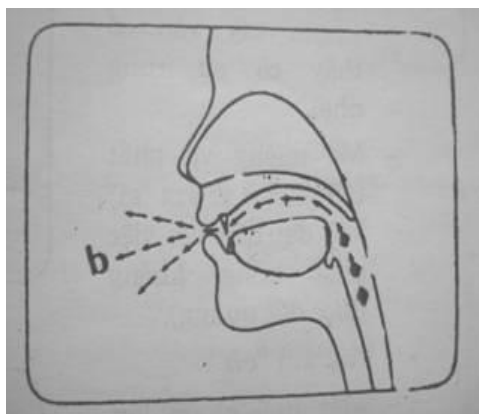
D: Đầu lưỡi đưa lên chạm vào lợi ở hàm răng trên đẩy hơi ra miệng há nhẹ.



Gi: Đầu lưỡi uốn lên chạm vào phần lợi của hàm răng trên, miệng

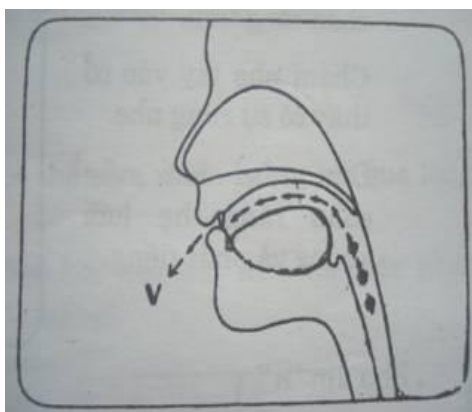
hơi khép.

R: Đầu lưỡi uốn cong lên vòm miệng đẩy luồng hơi ra mạnh để tạo độ rung của lưỡi.



B: Hai môi mím lại, bật hơi ra tương đối mạnh, miệng há hơi rộng.

V: Hàm răng trên chạm vào môi dưới, đẩy hơi ra ngoài tạo âm gió, miệng há



Th: Đưa đầu lưỡi lên chạm vào chân hàm răng trên bật hơi lưỡi thẳng.

2.2.2. Quy trình sửa lỗi phát âm phần vần

Xác định nguyên nhân của việc mắc lỗi: Nguyên nhân của việc mắc lỗi phát âm của âm tiết trong phần vần không đơn giản như phụ âm đầu. Như đã trình bày sự biến đổi yếu tố trong phần vần của thổ âm rất đa dạng và phong phú có khi trong âm tiết do sự kéo dài của trường độ âm chính, chẳng hạn như “*đôi cánh*” thành “*lôi cenh*”, “*chủ nhật*” thành “*chủ nhọt*”, “*hươu sao*” thành “*hiêu sao*” ...

Xác định biện pháp sửa lỗi: Khi sử dụng biện pháp chữa lỗi cần chỉ ra biện pháp chính và biện pháp bổ sung. Để chữa lỗi phần vần người ta thường sử dụng biện pháp luyện tập tổng hợp là phương pháp chính. Vì sự biến đổi phần vần rất phong phú đa dạng nên dùng biện pháp luyện tập tổng hợp giúp chúng ta kết hợp được các yếu tố ngữ âm, chính tả, ngữ nghĩa của tiếng, từ cần sửa. Trong quá trình thực hiện sửa lỗi người ta thường kết hợp với biện pháp luyện theo phát âm mẫu.

Thực hiện việc chữa lỗi theo quy trình các biện pháp: Để chữa lỗi phần vần, chúng ta thường sử dụng phương pháp luyện tập tổng hợp kết hợp một số phương pháp khác. Có thể thực hiện theo quy trình sau:

Bước 1: HS phát âm theo mẫu

Bước 2: Tổ chức cho HS phân tích cách phát âm

Bước 3: HS phát âm theo âm mẫu, GV tiến hành nhận xét, sửa chữa điều chỉnh.

Bước 4: Luyện tập đưa âm đã sửa vào ngữ cảnh

Đưa các âm, vần đã sửa vào ngữ cảnh là bước quan trọng của quá trình sửa lỗi phần vần. Việc đưa các âm, vần đã sửa vào ngữ cảnh giúp cho HS sửa được từng trường hợp cụ thể. Hơn nữa, việc đưa các vần vào trong tiếng, trong từ giúp các em nâng cao được ý thức sửa lỗi.

Ví dụ: “*ruou*” thành “*riêu*” để chữa lỗi này, trước hết GV cần cho HS nghe phát âm mẫu, kết hợp với chữ viết lên bảng: $ruou = r + uo + u + n\grave{a}ng$

Với cách phát âm như trên HS sẽ tri giác và so sánh được các trường hợp trên với nhau từ đó thấy được nguyên nhân của việc mắc lỗi. GV hướng dẫn HS phát hiện đặc điểm ngữ âm của các vần cần sửa và giúp các em sửa lỗi phần vần. Chẳng hạn: khi phát âm vần “*uo*” miệng rộng hơn khi phát âm vần “*iêu*”. Cuối cùng cho HS phát âm phần vần, tiếng đưa các tiếng vào từ, đưa các từ vào câu. Ví dụ từ *ruou gạo* đưa vào câu *Bà nội bán ruou gạo*. Như vậy khi đưa âm, vần vào các tiếng, từ đưa vào ngữ cảnh gắn gũi với cuộc sống

hàng ngày của các em giúp các em dễ hiểu và nhớ về cách phát âm của các âm, vận lâu hơn và các em áp dụng vào cuộc sống dễ dàng hơn.

2.2.3. Quy trình sửa lỗi phát âm thanh điệu

Để thực hiện được quy trình sửa lỗi phát âm thanh điệu thì trong quá trình thực hiện cần:

Xác định nguyên nhân của việc mắc lỗi

Xác định các biện pháp sửa lỗi: Để chữa lỗi về thanh điệu cho học sinh dân tộc Thái có thể sử dụng biện pháp luyện tập phát âm theo mẫu.

Thực hiện quy trình sửa lỗi: Khi thực hiện quy trình sửa lỗi về thanh điệu cho HS cần căn cứ vào từng đối tượng GV có thể sử dụng các biện pháp khác nhau chủ yếu là biện pháp luyện tập phát âm theo mẫu. Biện pháp luyện tập phát âm theo mẫu có thể tiến hành theo quy trình sau:

Bước 1: Cung cấp mẫu phát âm

Bước 2: HS phát âm theo âm chuẩn

Bước 3: GV nhận xét, sửa chữa

Bước 4: Đưa âm, vận đã sửa vào ngữ cảnh.

Chú ý: Những tiếng có thanh ngã đọc nhấn mạnh, hơi kéo dài, luyện giọng lên cao giọng. Những tiếng có thanh sắc đọc nhẹ nhàng hơn tiếng có thanh ngã, hơi ngắn, đọc nhanh không kéo dài.

Ví dụ: “*bờ ngõ*” phát âm thành “*vớ ngớ*” để chữa lỗi này, trước hết GV cần cho HS nghe phát âm mẫu, sau đó viết hai từ *bờ ngõ*, *vớ ngớ* lên bảng để HS so sánh và phân biệt lỗi sai, qua đó các em biết được nguyên nhân mắc lỗi và mắc ở chỗ nào để các em sửa lỗi. Khi đọc *bờ ngõ* đọc nhấn mạnh, hơi kéo dài, luyện giọng lên cao giọng hơn còn đọc *vớ ngớ* nhẹ nhàng hơn, hơi ngắn hơn, đọc nhanh không kéo dài như từ *bờ ngõ*. Cuối cùng đưa từ *bờ ngõ* vào câu: *Bạn An bờ ngõ khi bước vào học lớp 1.*

Tiểu kết chương 2

Các em HS miền núi sử dụng tiếng địa phương là chủ yếu, ít khi nói tiếng phổ thông nên sự phát âm địa phương ảnh hưởng trực tiếp đến việc luyện phát âm của HS. Nhận thức của các em còn chưa cao ảnh hưởng rất nhiều đến chất lượng học tập và kết quả giao tiếp. Vì vậy, việc đề ra các biện pháp khắc phục lỗi phát âm là rất cần thiết trong giáo dục nói chung và cho quá trình giáo dục tiểu học nói riêng. Việc xây dựng các biện pháp như: Biện pháp luyện tập theo mẫu, biện pháp phân tích cách phát âm, biện pháp luyện tập tổng hợp, biện pháp tổ chức trò chơi học tập để sửa lỗi phát âm cho HS, biện pháp thường xuyên luyện đọc từ khó trong giờ Học vần, biện pháp sử dụng các thiết bị dạy học để khắc phục lỗi phát âm trong dạy học Học vần. Mỗi biện pháp có những ưu điểm và hạn chế nhất định. Vì vậy, để góp phần khắc phục lỗi phát âm cho HS dân tộc Thái, GV phải sử dụng linh hoạt các biện pháp phù hợp với từng đối tượng, hoàn cảnh và thực hiện sửa lỗi theo đúng quy trình thì việc sửa lỗi và khả năng phát âm tiếng Việt của HSĐT Thái sẽ được hiệu quả.

Chương 3: THIẾT KẾ VÀ THỂ NGHIỆM SỬ DỤNG

3.1. Những vấn đề chung

3.1.1. Mục đích thể nghiệm

Thể nghiệm dạy học nhằm mục đích biết được sự thay đổi năng lực phát âm của HS lớp 1A₁ Trường Tiểu học Mường Chùm A. Qua đó sẽ kiểm chứng tính khả thi của các biện pháp chúng tôi đề xuất trong luận văn.

Chúng tôi tiến hành thiết kế và thể nghiệm nhằm mục đích kiểm chứng tính khả thi và hiệu quả của các biện pháp đề xuất trong luận văn. Nếu những giờ dạy thực nghiệm thu được thành công nhất định thì có nghĩa là những biện pháp mà chúng tôi đưa ra có tác dụng tốt và có tính khả thi.

3.1.2. Đối tượng, thời gian và địa bàn thể nghiệm

Đối tượng: HS lớp 1A₁ (lớp thể nghiệm) và lớp 1A₂ (lớp đối chứng);

Thời gian thể nghiệm: Từ 11/1 đến 25/2 năm học 2015 – 2016;

Địa bàn thể nghiệm: Trường Tiểu học Mường Chùm A - huyện Mường La - Sơn La.

3.1.3. Điều kiện thể nghiệm

- GV dạy lớp thể nghiệm và lớp đối chứng đảm bảo các tiêu chí sau:

+ Giáo án lớp đối chứng: GV soạn giáo án có sử dụng các biện pháp rèn kỹ năng sử dụng TV theo biện pháp vẫn dùng thường xuyên.

+ Giáo án lớp thể nghiệm: Giáo án soạn có sử dụng các biện pháp rèn kỹ năng sử dụng TV trong luận văn đề xuất.

- HS ở lớp thể nghiệm và lớp đối chứng tham gia học các bài học vẫn được đưa vào thể nghiệm phải đảm bảo các điều kiện sau:

+ Số lượng HS hai lớp tương đương.

+ Học nội dung chương trình phân môn Học vần như nhau.

3.1.4. Nội dung và tiêu chí thể nghiệm

3.1.4.1. Nội dung thể nghiệm

Chọn bài dạy: Chúng tôi chọn bài học vần trong chương trình và SGK Tiếng Việt 1 để thiết kế thể nghiệm, trong đó có hoạt động sửa lỗi phát âm cho HS. Gồm hai bài sau:

Bài 88: ip – up

Bài 92: oai - oay

Sửa lỗi phát âm phụ âm đầu: phát âm đúng âm *b, đ, l, tr, x, s, v, th* trong tiếng *bắt, bút, đỡ, đuối, đèn, điện, làm, trưa, đến, trời, đàn, reo, đầy, rì, rào, bay, vào, đánh, điện thoại, gió xoáy, khoai lang, quả xoài, loay hoay, tháng, trông, ra, vỡ, ruộng, đầy, ghé đầu, ghé xoay;*

Sửa lỗi phát âm phần vần: phát âm đúng vần *ân, anh, ông* trong tiếng *nhân, đánh, đồng;*

Sửa lỗi phát âm thanh điệu: phát âm đúng thanh ngã trong tiếng *đỡ, vỡ.*

3.1.4.2. Tiêu chí thể nghiệm

Đánh giá kết quả thể nghiệm qua phần hướng dẫn học sinh phát âm trong giờ học vần. Ở từng nội dung chúng tôi xây dựng những tiêu chí cụ thể mức độ đạt hoặc chưa đạt cụ thể như sau:

1) Năng lực phát âm phụ âm đầu

Mức độ tốt: Phát âm đúng *ch/tr, v/b, l/đ, s/x, th/t* trong bài.

Mức độ khá: Phát âm đúng được 70 – 80% các âm *ch/tr, v/b, l/đ, s/x, th/t* trong bài.

Mức độ trung bình: Phát âm đúng được 50 – 60% các âm *ch/tr, v/b, l/đ, s/x, th/t* trong bài.

Mức độ yếu: Phát âm đúng được dưới 50% các âm *ch/tr, v/b, l/đ, s/x, th/t* trong bài.

2) Năng lực phát âm vần:

Mức độ tốt: Phát âm đúng vần *uôt, ân, anh* trong bài

Mức độ khá: Phát âm đúng được 70 – 80% các vần ân, anh, ông trong bài.

Mức độ trung bình: Phát âm đúng được 50 – 60% các vần ân, anh, ông trong bài.

Mức độ yếu: Phát âm đúng được dưới 50% vần ân, anh, ông trong bài.

3) Năng lực phát âm thanh điệu

Mức độ tốt: Phát âm đúng các thanh ngã/sắc trong bài

Mức độ khá: Phát âm đúng được 70 – 80% các thanh ngã/sắc trong bài.

Mức độ trung bình: Phát âm đúng được 50 – 60% các thanh ngã/sắc trong bài.

Mức độ yếu: Phát âm đúng được dưới 50% các thanh ngã/sắc trong bài.

Đánh giá kết quả thể nghiệm qua phát âm trong dạy học vần:

- Phân biệt rõ phụ âm đầu b, đ, l, tr, x, s, v, th trong tiếng bắt, bút, đỡ, đuôi, đèn, điện, làm, trưa, đến, trời, đàn, reo, đây, rì, rào, bay, vào, đánh, điện thoại, gió xoáy, khoai lang, quả xoài, loay hoay, tháng, trồng, ra, vỡ, ruộng, đây, ghé đầu, ghé xoay;

- Phân biệt rõ phần vần ân, anh trong tiếng nhân, đánh, đồng.

- Phân biệt rõ thanh điệu: thanh ngã/sắc trong tiếng đỡ, vỡ.

3.1.4.2. Phương pháp thể nghiệm

- Lập kế hoạch và xây dựng mẫu phiếu khảo sát;

- Sử dụng phương pháp so sánh, đối chiếu để tiến hành nghiên cứu trên cùng một đối tượng (HS lớp 1), cùng một nội dung thể nghiệm (bài dạy), trong đó một đối tượng đóng vai trò thể nghiệm sẽ được áp dụng các biện pháp sửa lỗi phát âm mà luận văn đề xuất, một đối tượng đóng vai trò đối chứng sẽ tiến hành học bình thường như các lớp khác.

- Xác định đối tượng khảo sát:

+ Khảo sát hai lớp: Lớp 1A₁(lớp thể nghiệm), lớp 1A₂ (lớp đối chứng).

+ Mẫu nghiên cứu là 50 HS của hai lớp 1A₁ và 1A₂ .

- Xin ý kiến Ban giám hiệu và gặp GV Trường Tiểu học Mường Chùm A huyện Mường La tỉnh Sơn La trình bày nguyện vọng và xin được thể nghiệm.

Sau đó chúng tôi tiến hành kiểm tra năng lực đọc cả hai đối tượng qua dự giờ. Từ kết quả thu được chúng tôi sẽ rút ra kết luận đánh giá tính hiệu quả, tích cực của các biện pháp mà luận văn đề xuất.

3.2. Thể nghiệm và đánh giá kết quả thể nghiệm

3.2.1. Mô tả thiết kế thể nghiệm

1) Đối với bài giáo án: Bài 88: ip – up

a) Mục tiêu cần đạt được của bài: Đọc, viết được vần *ip, up* và từ *bắt nhịp, búp sen*. Đọc được từ và đoạn thơ ứng dụng trong bài; Luyện nói từ 2- 4 câu theo chủ đề: *Giúp đỡ cha mẹ*; Qua bài học giáo dục các em có ý thức học tập tốt và biết giúp đỡ những công việc nhỏ ở nhà, giáo dục các em sống giản dị gần gũi với mọi người.

b) Đồ dùng phục vụ cho tiết học: Đối với GV đồ dùng để chuẩn bị cho bài dạy này gồm có vật thật (búp sen hoặc hoa sen), tranh minh họa trong sách giáo khoa, chuẩn bị trò chơi “tìm tiếng theo phụ âm đầu”; Đối với HS đồ dùng chuẩn bị cho bài học này gồm có bút chì, phấn, bảng gài chữ, bảng con.

c) Phương pháp, biện pháp sử dụng: Trong tiết dạy này chúng tôi sử dụng các phương pháp sau: phương pháp trực quan, phương pháp luyện tập theo mẫu, phương pháp thực hành và phương pháp trò chơi học tập. Trong bài dạy này chúng tôi tiến hành áp dụng biện pháp để sửa lỗi phát âm cho HS như biện pháp luyện tập phát âm theo mẫu, biện pháp phân tích cách phát âm, biện pháp luyện tập phát âm tổng hợp, biện pháp tổ chức trò chơi học tập để sửa lỗi. Ba biện pháp biện pháp luyện tập phát âm theo mẫu, biện pháp phân tích cách phát âm, biện pháp luyện tập phát âm tổng hợp được sử dụng trong

hoạt động nhận diện vần, đọc tiếng/ từ khóa, đọc từ ngữ ứng dụng, luyện đọc và luyện nói. Biện pháp tổ chức trò chơi học tập để sửa lỗi được sử dụng trong hoạt động củng cố.

d) Nội dung tích hợp trong bài: Trong bài dạy được tích hợp tư tưởng Hồ Chí Minh: Bác Hồ là vị lãnh tụ của dân tộc, mặc dù rất bận trăm công nghìn việc nhưng Bác vẫn tham gia âm nhạc cùng mọi người, học tập lời sống giản dị của Bác, gần gũi với mọi người.

c) Các hoạt động chính được tiến hành trong bài này như sau:

Nhận diện vần, đánh vần và đọc vần *ip*

Giới thiệu tiếng *nhịp* và từ *bắt nhịp*

Nhận diện vần, đánh vần và đọc vần *up*

Giới thiệu tiếng *búp* và từ *búp sen*

Đọc các từ ngữ ứng dụng

Tập viết trên bảng con

Luyện đọc: Đọc chữ có vần *up, ip*; đọc bài ứng dụng.

Luyện viết vào vở vần *ip, up*, từ khóa *bắt nhịp, búp sen*

Luyện nghe – nói chủ đề: *Giúp đỡ cha mẹ*

2) Đối với bài giáo án: Bài 92: oai - oay

a) Mục tiêu: HS đọc, viết được vần *oai, oay* và từ *điện thoại, gió xoáy*;

Đọc được các từ ngữ và câu ứng dụng; Phát triển lời nói tự nhiên theo chủ đề: *Ghé đầu, ghé xoay, ghé tựa*; Qua bài học giáo dục HS ý thức học tập tốt và biết có được kỹ năng sống tránh được những thiên tai trong thiên nhiên.

b) Đồ dùng chuẩn bị: Đồ dùng được sử dụng trong bài dạy gồm: GV chuẩn bị tranh minh họa bài học, vật thật (điện thoại), bộ chữ thực hành, chuẩn bị trò chơi “Ông tìm hoa”. HS chuẩn bị bảng gài bút chì, phấn, bảng con.

c) Phương pháp, biện pháp dự định: Trong tiết dạy này chúng tôi sử dụng các phương pháp sau: phương pháp trực quan, phương pháp luyện tập

theo mẫu, phương pháp thực hành và phương pháp trò chơi học tập. Trong bài dạy này chúng tôi tiến hành áp dụng biện pháp để sửa lỗi phát âm cho HS như biện pháp luyện tập phát âm theo mẫu, biện pháp phân tích cách phát âm, biện pháp luyện tập phát âm tổng hợp, biện pháp tổ chức trò chơi học tập để sửa lỗi. Ba biện pháp luyện tập phát âm theo mẫu, biện pháp phân tích cách phát âm, biện pháp luyện tập phát âm tổng hợp được sử dụng trong hoạt động nhận diện vần, đọc tiếng/ từ khóa, đọc từ ngữ ứng dụng, luyện đọc và luyện nói. Biện pháp tổ chức trò chơi học tập “*Ong tìm hoa*” để sửa lỗi được sử dụng trong hoạt động củng cố bài.

d) Nội dung tích hợp trong bài: Trong bài dạy được tích hợp bảo vệ môi trường và kỹ năng sống. Việc tích hợp bảo vệ môi trường giúp HS hiểu được từ *gió xoáy* HS biết được gió xoáy là một hiện tượng thiên nhiên, gió xoáy là luồng gió thổi mạnh tạo thành những vùng gió bụi xoáy tròn, nội dung này được khai thác trực tiếp nội dung bài. Tích hợp kỹ năng sống khai thác trực tiếp nội dung bài qua đó giáo dục các em tránh đi vào nơi gió xoáy sẽ rất nguy hiểm. Bài ứng dụng (*Tháng chạp ... mưa sa đầy đồng*) HS biết được các hiện tượng thời tiết kinh nghiệm của người làm nông. Qua đó giáo dục HS ý thức lao động vất vả của người nông dân. Khai thác trực tiếp nội dung bài luyện nói: *Ghé đầu, ghé xoay, ghé tựa* phân biệt được lợi ích, kính trọng người thợ làm ra, ý thức giữ gìn để sử dụng lâu bền.

c) Các hoạt động chính được tiến hành trong bài này như sau:

Nhận diện vần, đánh vần và đọc vần *oai*

Giới thiệu tiếng *thoại* và từ *điện thoại*

Nhận diện vần, đánh vần và đọc vần *oay*

Giới thiệu tiếng *xoáy* và từ *gió xoáy*

Đọc các từ ngữ ứng dụng

Tập viết trên bảng con

Luyện đọc: Đọc chữ có vần *oai, oay*; Đọc bài ứng dụng.

Luyện viết vào vở vần *oai, oay*, từ khóa *điện thoại, gió xoáy*

Luyện nghe – nói chủ đề: *Ghé đầu, ghé xoay, ghé tựa*

3.2.2. Kết quả thể nghiệm

3.2.2.1. Kết quả thể nghiệm phát âm trực tiếp của học sinh

Tổng hợp kết quả khảo sát hai lớp thể nghiệm và lớp đối chứng về khả năng phát âm trong dạy Học vần.

Bảng 3.1: Kết quả thể nghiệm qua bài: Bài 88: ip – up

Nội dung khảo sát	Lớp thể nghiệm	Mức độ đạt							
		Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
		Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
Phát âm phụ âm đầu	1A ₁ (TN)	8	32%	12	48%	5	20%	0	0%
	1A ₂ (ĐC)	4	16%	10	40%	8	32%	3	12%
Phát âm phần vần	1A ₁ (TN)	5	20%	17	68%	3	12%	0	0%
	1A ₂ (ĐC)	1	4%	12	48%	10	40%	2	8%
Phát âm thanh điệu	1A ₁ (TN)	9	36%	14	56%	2	8%	0	0%
	1A ₂ (ĐC)	6	24%	13	52%	6	24%	0	0%

Bảng 3.1 cho thấy năng lực phát âm phần phụ âm đầu, phần vần và phần thanh điệu của HS lớp thể nghiệm tốt hơn so với lớp đối chứng cụ thể: Lớp thực nghiệm năng lực phát âm phần phụ âm đầu mức độ phát âm tốt

chiếm 32%, khá chiếm 48%, trung bình chiếm 20%. Trong khi đó năng lực phát âm phần phụ âm của lớp đối chứng chỉ đạt mức tốt chiếm 16%, mức khá chiếm 40%, trung bình chiếm 32% và yếu chiếm 12%; Năng lực phát âm phần vần của lớp thực nghiệm mức tốt chiếm 20%, mức khá chiếm 68%, trung bình 12% còn lớp đối chứng mức tốt chỉ chiếm 4%, khá chiếm 48%, trung bình chiếm 40% và yếu chiếm 8%; Năng lực phát âm phần thanh điệu của lớp thực nghiệm mức tốt chiếm 36%, mức khá chiếm 56%, mức trung bình chiếm 8% còn lớp đối chứng chỉ đạt mức tốt chiếm 24% mức khá chiếm 52% mức trung bình chiếm 24%

Bảng 3.2: Kết quả thể nghiệm qua bài: Bài 92: oai – oay

Nội dung khảo sát	Lớp thể nghiệm	Mức độ đạt							
	Lớp đối chứng	Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
		Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
Phát âm phụ âm đầu	1A ₁ (TN)	7	28%	13	52%	5	20%	0	0%
	1A ₂ (ĐC)	3	12%	11	44%	7	28%	4	16%
Phát âm phần vần	1A ₁ (TN)	7	28%	14	56%	4	16%	0	0%
	1A ₂ (ĐC)	2	8%	11	44%	10	40%	2	8%
Phát âm thanh điệu	1A ₁ (TN)	8	32%	12	48%	5	20%	0	0%
	1A ₂ (ĐC)	5	20%	9	36%	11	44%	0	0%

Bảng 3.2 cho thấy năng lực phát âm phần phụ âm đầu, phần vần và phần thanh điệu của HS lớp thể nghiệm tốt hơn so với lớp đối chứng cụ thể: Lớp thực nghiệm năng lực phát âm phần phụ âm đầu mức độ phát âm tốt

chiếm 28%, khá chiếm 52%, trung bình chiếm 20%. Trong khi đó năng lực phát âm phần phụ âm của lớp đối chứng chỉ đạt mức tốt chiếm 12%, mức khá chiếm 44%, trung bình chiếm 28% và yếu chiếm 16%; Năng lực phát âm phần vần của lớp thực nghiệm mức tốt chiếm 28%, mức khá chiếm 56%, trung bình 16% còn lớp đối chứng mức tốt chỉ chiếm 8%, khá chiếm 44%, trung bình chiếm 40% và yếu chiếm 8%; Năng lực phát âm phần thanh điệu của lớp thực nghiệm mức tốt chiếm 32%, mức khá chiếm 48%, mức trung bình chiếm 20% còn lớp đối chứng chỉ đạt mức tốt chiếm 20% mức khá chiếm 36% mức trung bình chiếm 44%.

Qua kết quả thể nghiệm, chúng ta thấy lớp thể nghiệm khi áp dụng các biện pháp sửa lỗi phát âm trong dạy Học vần thì khả năng phát âm phần phụ âm đầu, phần vần và phân thanh điệu của lớp thể nghiệm tốt hơn so với lớp đối chứng.

3.2.2.2. Kết quả thể nghiệm qua phiếu học tập

Bảng 3.3: Tổng hợp kết quả khảo sát hai lớp thực nghiệm và lớp đối chứng về khả năng phân biệt của học sinh qua phiếu học tập.

Nội dung khảo sát	Lớp thể nghiệm	Khả năng phân biệt			
	Lớp đối chứng	Tốt %	Khá %	Trung bình %	Yếu %
Phát âm phụ âm đầu	1A ₁ (TN)	9 36%	12 48%	3 12%	0 0%
	1A ₂ (ĐC)	6 24%	11 44%	6 24%	2 8%
Phát âm phần vần	1A ₁ (TN)	7 28%	13 52%	5 20%	0 %
	1A ₂ (ĐC)	4 16%	12 48%	9 36%	2 8%
Phát âm thanh	1A ₁	9	12	4	0

điều	(TN)	36%	48%	16%	0%
	1A ₂	7	11	7	0
	(ĐC)	28%	44%	28%	0%

Bảng tổng hợp kết quả khảo sát khả năng phân biệt phụ âm, phần vần và thanh điệu của HS cho thấy:

Phân biệt rõ phụ âm đầu của lớp thể nghiệm có 9 HS phân biệt tốt chiếm 36%, phân biệt khá 12 HS chiếm 48%, phân biệt trung bình 3 HS chiếm 12%; Còn phân biệt phụ âm đầu của lớp đối chứng có 6 HS phân biệt tốt chiếm 24%, phân biệt khá 11 HS chiếm 44%, phân biệt trung bình 6 HS chiếm 24%, phân biệt yếu 2 HS chiếm 8%;

Phân biệt rõ phần vần của lớp thể nghiệm 7 HS phân biệt tốt chiếm 28%, phân biệt khá 13 HS chiếm 52%, phân biệt trung bình 5 HS chiếm 20%; Còn phân biệt phần vần của lớp đối chứng có 4 HS phân biệt tốt chiếm 16%, phân biệt khá 12 HS chiếm 48%, phân biệt trung bình 9 HS chiếm 36%, phân biệt yếu 2 HS chiếm 8%;

Phân biệt rõ phần thanh điệu của lớp thể nghiệm 9 HS phân biệt tốt chiếm 36%, phân biệt khá 12 HS chiếm 48%, phân biệt trung bình 4 HS chiếm 16%; Còn phân biệt phần thanh điệu của lớp đối chứng có 7 HS phân biệt tốt chiếm 28%, phân biệt khá 11 HS chiếm 44%, phân biệt trung bình 7 HS chiếm 28%.

Qua so sánh kết quả trên, cho thấy lớp thể nghiệm đạt kết quả cao hơn so với lớp đối chứng, khả năng phân biệt phụ âm, phần vần và phần thanh điệu của lớp thể nghiệm tốt hơn. Điều đó chứng tỏ biện pháp đề xuất trong luận văn là đúng hướng, có tính khả thi.

Tiểu kết chương 3

Việc vận dụng một số biện pháp sửa lỗi phát âm nhằm góp phần nâng cao hiệu quả dạy học Học vần làm cho kết quả học tập của HS được nâng lên

rõ rệt. HS phát âm và đọc tốt hơn, HS chăm chỉ và cũng có ý thức hơn khi phát âm nên trong lời nói ít mắc lỗi phát âm. Các em chủ động và tích cực hơn trong quá trình lĩnh hội bài học, khắc phục được một số hạn chế mà khi khảo sát luận văn chúng tôi đã phát hiện được như: phát âm sai một số phụ âm đầu, vần, thanh điệu. Sửa một số lỗi phát âm cho HS tỉ mỉ sẽ giúp HS nhận ra cái sai và biết cách phát âm cho đúng để không mắc lại ở những lần đọc sau góp phần giữ gìn chuẩn chính âm trong tiếng Việt. Việc sử dụng tranh ảnh minh họa, phiếu bài tập, bảng phụ trong giờ Học vần hợp lí vừa đảm bảo tính trực quan, kích thích sự hứng thú học tập của HS vừa giúp các em nắm bài nhanh và sâu hơn, củng cố các kĩ năng đọc tốt hơn.

Như vậy, với kết quả thể nghiệm và những phân tích như trên, chúng tôi đi đến kết luận rằng việc vận dụng các biện pháp mà luận văn đề xuất trong dạy học Học vần là hoàn toàn có tác dụng và có tính khả thi.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

Qua quá trình nghiên cứu và thực hiện đề tài luận văn “*Biện pháp sửa lỗi phát âm trong dạy học Học vần cho học sinh dân tộc Thái ở trường tiểu học Mường Chùm A huyện Mường La – tỉnh Sơn La*”, chúng tôi đi đến kết luận sau:

1.1. Phân môn Học vần có vị trí quan trọng trong chương trình môn TV nói riêng, các môn học ở nhà trường phổ thông nói chung. Vì vậy phân môn Học vần phải được coi trọng trong nhà trường và việc phát âm với chuẩn tiếng Việt là một việc làm hết sức cần thiết. Đặc biệt đối với các em HS lớp 1 là lớp đầu cấp, ngôn ngữ sử dụng chủ yếu là tiếng mẹ đẻ, tiếng địa phương nên dễ dẫn đến việc phát âm sai tiếng Việt và sẽ hình thành thói quen trong giao tiếp và sử dụng tiếng Việt, điều này sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến sau này. Do đó để hạn chế lỗi phát âm sai tiếng Việt cho HS lớp 1 dân tộc Thái, GV có thể áp dụng các biện pháp trên giúp các em khắc phục được lỗi phát âm hiệu quả và tiến tới phát âm chuẩn tiếng Việt.

1.2. Luận văn đã nghiên cứu được một hệ thống lí luận về dạy học vần và sửa lỗi phát âm. Đây là những cơ sở để xây dựng các biện pháp sửa lỗi phát âm cho HSĐT Thái Trường Tiểu học Mường Chùm A huyện Mường La – Sơn La.

1.3. Luận văn đã khảo sát và đánh giá được thực trạng phát âm và sửa lỗi phát âm cho HS lớp 1 dân tộc Thái ở Trường Tiểu học Mường Chùm A, khả năng phát âm của các em chưa đúng, chưa chuẩn và còn phát âm theo thói quen. Lỗi phát âm của HS còn phổ biến, HS thường mắc các lỗi cơ bản đó là: lỗi về phụ âm đầu, lỗi về vần và lỗi về dấu thanh. Do đó, để nâng cao hiệu quả dạy học phát âm cần có biện pháp sửa lỗi phù hợp với HS, tạo cho HS hứng thú trong học tập và môi trường giao tiếp.

1.4. Dựa trên sự nghiên cứu về cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn, luận văn đã đề xuất sáu biện pháp để sửa lỗi phát âm đó là biện pháp luyện phát âm theo mẫu, biện pháp phân tích cách phát âm, biện pháp luyện tập phát âm tổng tập, biện pháp tổ chức trò chơi học tập để sửa lỗi phát âm cho HS, biện pháp thường xuyên luyện đọc các từ khó, biện pháp sử dụng các thiết bị dạy học để khắc phục lỗi phát âm trong dạy học giờ học vần và quy trình sửa lỗi đó là sửa lỗi phát âm phụ âm đầu, phân vần và thanh điệu. Các biện pháp này đã được kiểm chứng qua thiết kế thử nghiệm và bước đầu chứng minh được tính khả thi của các phương án đề xuất. Kết quả học tập của HS được nâng lên rõ rệt, phần lớn HS hứng thú hơn trong tiết học, HS chăm chỉ và cũng có ý thức hơn khi phát âm nên khi đọc ít mắc lỗi phát âm hơn. Điều đó chứng tỏ những biện pháp đề xuất trong luận văn là phù hợp, đúng hướng, phát huy khả năng học tập của HS.

2. KHUYẾN NGHỊ

Đối với GV, cần coi trọng hơn nữa trong việc phát âm và tìm ra các biện pháp sửa lỗi phát âm sửa lỗi phát âm cho HS thông qua các tiết học. Đặc biệt thông qua phân môn Học vần, GV có nhiều thuận lợi để dạy khả năng đọc, khả năng phát âm chuẩn cho HS nên việc luyện phát âm phải thường xuyên hơn.

Đối với nhà trường, mua sắm trang thiết bị phục vụ cho dạy và học, xây dựng các chuyên đề bồi dưỡng GV trong đó có chuyên đề thảo luận về phát âm chuẩn tiếng Việt. Tổ chức các hội thi như: kể chuyện, đọc thơ,... để từ đó nâng khả năng phát âm chuẩn tiếng Việt trong nhà trường.

Đối với phụ huynh, cần giáo dục các em có ý thức nói tiếng Việt, tạo môi trường giao tiếp tiếng Việt hàng ngày trong gia đình và địa phương nơi các em sinh sống.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê A (chủ biên) (1995), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2003), *Hướng dẫn dạy tập nói tiếng Việt cho học sinh dân tộc*, Nxb Giáo dục.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005), *Dạy học và kiểm tra kết quả học tập trên cơ sở chuẩn kiến thức và kỹ năng các môn học Tiếng Việt và Toán ở lớp 1 cho trẻ có hoàn cảnh khó khăn*, Nxb Giáo dục.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Kế hoạch bài học chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ trước tuổi đến trường*, Nxb Giáo dục.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Trò chơi học tập cấp tiểu học*, Nxb ĐHSP, Hà Nội.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Hướng dẫn giáo viên về tăng cường tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
7. Dự án phát triển giáo viên tiểu học (2005), *Đổi mới phương pháp dạy học ở tiểu học*, Nxb Giáo dục.
8. Dự án phát triển giáo viên tiểu học (2006), *Phương pháp dạy học tiếng Việt cho học sinh dân tộc cấp tiểu học*, Nxb giáo dục.
9. Dự án phát triển giáo viên tiểu học (2006), *Tiếng Việt và phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học*, Nxb giáo dục.
10. Vũ Bá Hùng (1993), *Chuẩn mực ngữ âm và vấn đề dạy tiếng Việt trong nhà trường*, Nxb Giáo dục.
11. Đặng Thị Lanh (chủ biên) (2006), *Tiếng Việt 1 tập 1*, Nxb Giáo dục.
12. Đặng Thị Lanh (chủ biên) (2006), *Tiếng Việt 1 tập 2*, Nxb Giáo dục.
13. Đặng Thị Lanh (chủ biên) (2010), *Sách giáo viên tiếng việt 1, tập 1*, Nxb Giáo dục.
14. Đặng Thị Lanh (chủ biên) (2010), *Sách giáo viên Tiếng Việt 1, tập 2*, Nxb Giáo dục.

15. Đỗ Minh Liêm (chủ biên) (2015), *Tài liệu văn hóa địa phương tỉnh Sơn La*, Nxb Giáo dục.
16. Nguyễn Bá Minh (chủ biên) (2007), *Tâm lí học lứa tuổi và tâm lí học sư phạm*, Nxb Giáo dục.
17. Lê Phương Nga (2003), *Dạy tập đọc ở tiểu học*, Nxb Giáo dục.
18. Lê Phương Nga - Đặng Kim Nga (2007), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học, dự án phát triển giáo viên tiểu học*, Nxb Giáo dục.
19. Lê Phương Nga – Nguyễn Trí (1999), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
20. Lê Phương Nga (chủ biên) (2011), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt I*, Nxb Đại học Sư phạm.
21. Lê Phương Nga (2011), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt II*, Nxb Đại học Sư phạm.
22. Phan Ngọc (1982), *Chữa lỗi chính tả cho học sinh*, Nxb Giáo dục.
23. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo.
24. Nguyễn Quang Ninh (1996), *Rèn kĩ năng sử dụng tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
25. Hoàng Phê (chủ biên) (2007), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
26. Bùi Minh Toán - Đặng Thị Lanh (2006), *Tiếng Việt đại cương – ngữ âm*, Nxb ĐHSP.
27. Cù Đình Tú – Hoàng Văn Thung – Nguyễn Nguyên Trứ (1978), *Ngữ âm học tiếng Việt hiện đại*, NXB Giáo dục.
28. Lê Xuân Thái (chủ biên) (2000), *Tiếng Việt trong trường học*, Nxb ĐHQG, Hà Nội.
29. Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên) (1999), *Hỏi đáp về dạy học Tiếng Việt lớp 2,3,4,5*, Nxb Giáo dục.

30. Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên) (2005), *SGK Tiếng Việt 2,3,4,5 tập 1+2*, Nxb Giáo dục.
31. Nguyễn Trí (chủ biên) (2002), *Hỏi và đáp về sách Tiếng Việt 1*, Nxb Giáo dục.
32. Nguyễn Trí (2002), *Dạy và học tiếng Việt ở tiểu học theo chương trình mới*, Nxb Giáo dục.
33. Lê Thị Xuân Yên – Lê Thị Thanh Nhân (2007), *Phát triển lời nói cho học sinh tiểu học*, Nxb Giáo dục.

PHỤ LỤC

PHIẾU HỎI KHẢO SÁT HỌC SINH

Câu 1: Em có thích luyện phát âm tiếng Việt không?

Mức độ	Thích (%)	Bình thường (%)	Không thích (%)
Tổng số HS			

Câu 2: Khi đọc, em thường mắc lỗi phát âm nào?

Các lỗi	Số lượng	Tỉ lệ
Phụ âm đầu		
Phần vần		
Thanh điệu		

Câu 3: Em có thường xuyên luyện phát âm không?

Mức độ	Số lượng	Tỉ lệ
Thường xuyên		
Thỉnh thoảng		
Không		

PHIẾU BÀI TẬP KHẢO SÁT HỌC SINH

Phiếu 1

Chọn vần uôt, uu, uoi, uât, ât, ánh, iêu, ơ thích hợp để điền vào chỗ trống:

h... sao	t... lúa	chủ nh ...	trái l
sản x ...	ch ... nhất	ch ... lỏng	
b... thiếp	thân m ...	c ... buồm	

Phiếu 2

Điền âm b, đ, s, th, ch, v, x, l, tr thích hợp vào ô trống:

quả ... ong	đèn ... iện	con ... ỏ	nhà ... àn
con ... òn	... á bóng	... e xanh	... oàn kết
... ạn bè	... àn ghé	sách ... ở	cái ... út
... ép hàng	... ớp học	bánh ... ốp	... àn mướp

Phiếu 3

Điền dấu thanh còn thiếu vào các từ sau:

bõ ngõ	họa si	hộp sưa	trò gioi
mơ rau	giư gìn	thu hoạch	chưa bệnh
giúp đơ	năng trưa	tiếp nôi	lướt van

PHIẾU HỎI KHẢO SÁT GIÁO VIÊN

Câu 1: Theo thầy (cô), Học Văn có vai trò quan trọng như thế nào trong việc dạy học tiếng Việt cho học sinh lớp 1 dân tộc Thái?

Mức độ	Số lượng	Tỉ lệ
Rất quan trọng		
Bình thường		
Không quan trọng		

Câu hỏi 2: Khi dạy Học văn, thầy cô thường sử dụng những phương pháp nào?

Các phương pháp	Số lượng	Tỉ lệ
Phương pháp trực quan		
Phương pháp đàm thoại		
Phương pháp luyện tập		
Phương pháp thảo luận		
Phương pháp giảng giải		
Các phương pháp khác		

Câu 3: Các thầy (cô) có thường xuyên rèn phát âm cho học sinh không ?

Mức độ rèn phát âm	Số lượng	Tỉ lệ
Thường xuyên		
Thỉnh thoảng		
Không rèn		

Câu 4: Ngoài giờ Học vần, thầy (cô) còn chú ý rèn phát âm cho HS khi nào?

Các hoạt động	Số lượng	Tỉ lệ
Dạy các môn học khác		
Giờ truy bài		
Sinh hoạt tập thể		

KHẢO SÁT GIÁO VIÊN VỀ NHỮNG KHÓ KHĂN MÀ HS THƯỜNG MẮC PHẢI

Câu 5: Theo thầy (cô) HS thường gặp khó khăn nào trong học vần?

Khó khăn	Số lượng	Tỉ lệ
Phát âm		
Viết chữ		
Ghép vần		

Câu 6: Khi dạy Học vần, học sinh thường hay mắc những lỗi nào khi đọc?

Các lỗi	Số lượng	Tỉ lệ
Phụ âm đầu		
Phần vần		
Thanh điệu		

MẪU GIÁO ÁN THỰC NGHIỆM

BÀI 88: IP - UP

I. Mục tiêu.

- Đọc, viết được: ip, up, bắt nhịp, búp sen. Đọc được từ và đoạn thơ ứng dụng trong bài.

- Luyện nói từ 2- 4 câu theo chủ đề: Giúp đỡ cha mẹ.

- Giáo dục HS chú ý học bài, phát âm đúng, viết đúng, đẹp.

II. Đồ dùng dạy- học.

- **Giáo viên:** Giáo án, sách giáo khoa, bộ thực hành tiếng việt. Tranh minh họa câu ứng dụng, từ khoá, chuẩn bị trò chơi: “Tìm tiếng theo phụ âm”

- **Học sinh:** Sách giáo khoa, vở bài tập, bộ thực hành tiếng việt.

III. Các hoạt động dạy -học.

Hoạt động dạy	TG	Hoạt động học
* Tiết 1:		
<u>I. Ổn định tổ chức:</u>	1'	- Hát.
<u>II. Kiểm tra bài cũ:</u>	4'	- 3 học sinh đọc bài.
- Yêu cầu học sinh đọc bài trong SGK.		
- Nhận xét, sửa lỗi.		
<u>III. Bài mới:</u>		
1. Giới thiệu bài: Trực tiếp.	1'	
2. Dạy vần:		
* Vần ip	6'	
a/ Nhận diện vần:		

<p>- Giới thiệu tranh 1.</p> <p>- Tranh vẽ gì?</p> <p>- Từ có mấy tiếng? Tiếng nào đã được học rồi?</p> <p>- Tiếng có âm nào dấu nào đã được học rồi?</p> <p>+ Cho HS ghép vần.</p> <p>b/ Đánh vần:</p> <p>- Hướng dẫn học sinh đánh vần vần.</p> <p>- Hướng dẫn ghép tiếng:</p> <p>+ Nêu cấu tạo tiếng ?</p> <p>CH: Thêm âm nào đứng trước vần ip để được tiếng nhíp ?</p> <p>+ Cho HS ghép tiếng.</p> <p>+ HS đọc đánh vần tiếng</p> <p>+ Cho HS ghép từ:</p> <p>CH: Có tiếng muốn có từ ta phải thêm tiếng nào ?</p> <p>+ Hướng dẫn đọc trơn từ.</p> <p style="text-align: center;">* Vần up</p> <p>- Qui trình dạy học tương tự vần.</p> <p>- So sánh vần ?</p>	<p>- HS QS tranh.</p> <p>- Bác Hồ bắt nhíp cho các cháu hát.</p> <p>- 2 tiếng, tiếng bắt đã học.</p> <p>- Tiếng có âm nh dấu nặng đã học.</p> <p>- HS ghép vần.</p> <p>- i – pờ - íp (Cá nhân, nhóm, đồng thanh) - Đánh vần</p> <p>- Thêm nh đứng trước và dấu nặng dưới âm i vần được tiếng</p> <p>- Ghép bảng gài</p> <p>- Đánh vần: nhờ - íp – nhíp – nặng – nhíp (cá nhân, tổ nhóm, đồng thanh)</p> <p>- Tiếng bắt đứng trước tiếng nhíp.</p> <p>- CN – ĐT.</p> <p>- Giống: p cuối vần.</p> <p>- Khác: âm đầu vần.</p>
---	--

<p>c/ Đọc từ ứng dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên giới thiệu và ghi từ ngữ lên bảng. - Giải nghĩa từ: - Gọi HS lên bảng gạch chân vần mới - Cho HS đọc. - Cho HS đọc. - Nhận xét, sửa lỗi. 	8'	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc thầm và tìm tiếng mới, gạch chân. - 2 em lên bảng. - Đánh vần và đọc tiếng mới (tổ nhóm, cá nhân, đồng thanh). - Đánh vần và đọc tron cả từ (cá nhân, tổ nhóm, đồng thanh).
<p><u>IV. Củng cố:</u></p>	2'	
<p>+ Vừa học vần gì?</p>		<ul style="list-style-type: none"> - ip, up
<p><u>V. Tổng kết:</u></p>	2'	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc lại toàn bài một lần.
<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu học sinh đọc lại toàn bài. 		
<ul style="list-style-type: none"> - GV nhắc lại nội dung. 		
<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét tiết học. 		
<p>* Tiết 2:</p>		
<p><u>I. Ôn định tổ chức:</u></p>	1'	<ul style="list-style-type: none"> - Hát.
<p><u>II. Kiểm tra bài cũ:</u></p>	4'	
<ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc bảng lớp. 		<ul style="list-style-type: none"> - 2 em đọc bảng.
<p><u>III. Bài mới:</u></p>	8'	
<p>1. Luyện đọc:</p>		
<ul style="list-style-type: none"> - Đọc bài tiết 1. 		<ul style="list-style-type: none"> - Đồng thanh, cá nhân.
<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, sửa sai(nếu có). 		
<p>* Đọc câu ứng dụng:</p>		
<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tranh. 		<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát tranh, trả lời câu hỏi.
<ul style="list-style-type: none"> - Tranh vẽ hình ảnh gì? 		

<p>- Qua tranh giới thiệu câu ứng dụng. Giáo viên viết lên bảng.</p> <p>- Hướng dẫn học sinh đọc câu.</p> <p>- Giáo viên đọc mẫu.</p> <p>* Đọc bài trong SGK:</p> <p>- Giáo viên đọc mẫu.</p> <p>- Nhận xét, sửa lỗi.</p> <p>3. Luyện nói:</p> <p>- Giới thiệu tranh.</p> <p>+ Trong tranh vẽ gì?</p> <p>+ Cho HS đặt tên cho từng bạn trong tranh?</p> <p>+ GV chốt lại.</p> <p>- Cho học sinh thi nói về chủ đề; Giúp đỡ cha mẹ.</p> <p>+ Chủ đề luyện nói hôm nay là gì?</p> <p>Trò chơi: “Tìm tiếng theo phụ âm”</p> <p>2. Luyện viết:</p> <p>- Hướng dẫn học sinh viết bài trong vở tập viết.</p>	<p>7'</p> <p>8'</p> <p>8'</p>	<p>- Đọc thầm, gạch chân vần mới.</p> <p>- Đánh vần và đọc trơn vần mới, tiếng mới.</p> <p>- Tổ nhóm, cá nhân, đồng thanh.</p> <p>- Đọc lại câu một lần.</p> <p>- Theo dõi.</p> <p>- Học sinh đọc (tổ nhóm, cá nhân đồng thanh)</p> <p>- Quan sát tranh và trả lời câu hỏi.</p> <p>- Bạn HS đang giúp mẹ quét nhà.</p> <p>- HS thi nói.</p> <p>- Thi nói.</p> <p>- Đọc chủ đề luyện nói.</p> <p>- Viết bài vào vở.</p>
---	-------------------------------	--

<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên theo dõi, uốn nắn. - Thu bài chấm. <p><u>IV. Củng cố - dặn dò:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận ược có trong tiếng nào? Từ nào? - Trò chơi: “Tìm tiếng theo phụ âm” - Cho HS đọc lại toàn bài. - Nhắc lại nội dung bài. - Nhận xét tiết học, dặn học sinh chuẩn bị bài sau. 	4’	<ul style="list-style-type: none"> - HS nộp bài. - Trong tiếng , trong từ. - Chơi trò chơi. - Đọc ĐT toàn bài.
--	----	--

<p>- Từ điện thoại có mấy tiếng? - Tiếng nào đã được học rồi? - Tiếng thoại có âm nào dấu nào đã được học rồi? + Cho HS ghép vần. b/ Đánh vần: oai - Hướng dẫn học sinh đánh vần vần. - Hướng dẫn ghép tiếng: + Nêu cấu tạo tiếng ? CH: Thêm âm nào đứng trước vần để được tiếng ? + Cho HS ghép tiếng. + HS đọc đánh vần tiếng + Cho HS ghép từ: CH: Có tiếng thoại muốn có từ điện thoại ta phải thêm tiếng nào ? + Hướng dẫn đọc trơn từ * Vần oai - Qui trình dạy học tương tự vần oai. - So sánh vần oai và oay c/ Đọc từ ứng dụng: - Giáo viên giới thiệu và ghi từ ngữ lên bảng. - Giải nghĩa từ: hí hoáy, loay hoay - Gọi HS lên bảng gạch chân vần mới - Cho HS đọc.</p>	<p>- 2 tiếng, - Tiếng điện đã học. - Tiếng thoại có âm th dấu nặng đã học. - HS ghép vần. - o – a – i – oai (Cá nhân, nhóm, đồng thanh) - Đánh vần - Thêm th đứng trước vần oai được tiếng thoại. - Ghép bảng gài Thờ - oai – thoại – nặng - thoại - Thêm tiếng thoại đứng sau tiếng điện ta được từ điện thoại. - Đánh vần: (cá nhân, tổ nhóm, đồng thanh) - CN - ĐT 6' - Giống: o đầu vần. - Khác: âm cuối vần. 8' - Đọc thầm và tìm tiếng mới, gạch chân. - 2 em lên bảng. - Đánh vần và đọc tiếng mới (tổ</p>
---	---

<p>- Cho HS đọc.</p> <p>- Nhận xét, sửa lỗi phát âm cho học sinh.</p> <p>d/ Viết bảng con:</p> <p>- Giáo viên viết mẫu và hướng dẫn qui trình viết.</p> <p>- Nhận xét, sửa lỗi.</p> <p><u>IV. Củng cố:</u></p> <p>+ Vừa học vẫn gì?</p> <p>- Nhận xét tiết học.</p> <p style="text-align: center;">* Tiết 2:</p> <p><u>I. Ôn định tổ chức:</u></p> <p><u>II. Kiểm tra bài cũ:</u></p> <p>- Gọi HS đọc bảng lớp.</p> <p><u>III. Bài mới:</u></p> <p>1. Luyện đọc:</p> <p>- Đọc bài tiết 1.</p> <p>- Nhận xét.</p> <p>* Đọc câu ứng dụng:</p> <p>- Giới thiệu tranh.</p> <p>- Tranh vẽ hình ảnh gì?</p> <p>- Qua tranh giới thiệu câu ứng dụng. Giáo viên viết lên bảng.</p>	<p>10'</p> <p>2'</p> <p>1'</p> <p>4'</p> <p>8'</p>	<p>nhóm, cá nhân, đồng thanh).</p> <p>- Đánh vần và đọc trơn cả từ (cá nhân, tổ nhóm, đồng thanh).</p> <p>- Quan sát.</p> <p>- Viết bảng con: oai, oay, điện thoại, gió xoáy</p> <p>- oai, oay</p> <p>- Đọc lại toàn bài một lần.</p> <p>- Hát.</p> <p>- 2 em đọc bảng.</p> <p>- Đồng thanh, cá nhân.</p> <p>- HS quan sát tranh, trả lời câu hỏi.</p> <p>- Cánh đồng đang cày bừa</p> <p>- Đọc thầm, gạch chân vần mới.</p>
--	--	--

<p>- Hướng dẫn học sinh đọc câu.</p> <p>- Giáo viên đọc mẫu.</p> <p>* Đọc bài trong SGK:</p> <p>- Giáo viên đọc mẫu.</p> <p>- Nhận xét, sửa lỗi.</p> <p>3. Luyện nói:</p> <p>- Giới thiệu tranh.</p> <p>+ Trong tranh vẽ gì?</p> <p>+ Cho HS đặt tên cho từng bạn trong tranh?</p> <p>+ GV chốt lại.</p> <p>- Cho học sinh thi nói về chủ đề: Ghế đầu, ghế xoay, ghế tựa.</p> <p>+ Chủ đề luyện nói hôm nay là gì? Trò chơi “Ông tìm chữ”</p> <p>2. Luyện viết:</p> <p>- Hướng dẫn học sinh viết bài trong vở tập viết.</p> <p>- Giáo viên theo dõi, uốn nắn.</p> <p>- Thu bài chấm.</p>	<p>7'</p> <p>8'</p> <p>8'</p>	<p>- Đánh vần và đọc trơn vần mới, tiếng mới.</p> <p>- Tổ nhóm, cá nhân, đồng thanh.</p> <p>- Đọc lại câu một lần.</p> <p>- Theo dõi.</p> <p>- Học sinh đọc (tổ nhóm, cá nhân đồng thanh)</p> <p>- Quan sát tranh và trả lời câu hỏi.</p> <p>- Ghế đầu, ghế xoay, ghế tựa</p> <p>- HS thi nói.</p> <p>- Thi nói.</p> <p>- Đọc chủ đề luyện nói.</p> <p>- Viết bài vào vở.</p> <p>- HS nộp bài.</p>
---	-------------------------------	--

<p><u>IV. Củng cố, dặn dò:</u></p> <ul style="list-style-type: none">- Vận oai có trong tiếng nào? Từ nào?- Trò chơi: Ong tìm hoa- Cho HS đọc lại toàn bài. <ul style="list-style-type: none">- Nhắc lại nội dung bài.- Nhận xét tiết học, dặn học sinh chuẩn bị bài sau.	4'	<ul style="list-style-type: none">- Trong tiếng thoại , trong từ điện thoại.- Chơi trò chơi. <ul style="list-style-type: none">- Đọc ĐT toàn bài.
--	----	---